

P VV  
4478

G ỦY PHƯỜNG BỬU HÒA

**BỬU HÒA**  
**ĐẤU TRANH**  
**& XÂY DỰNG**

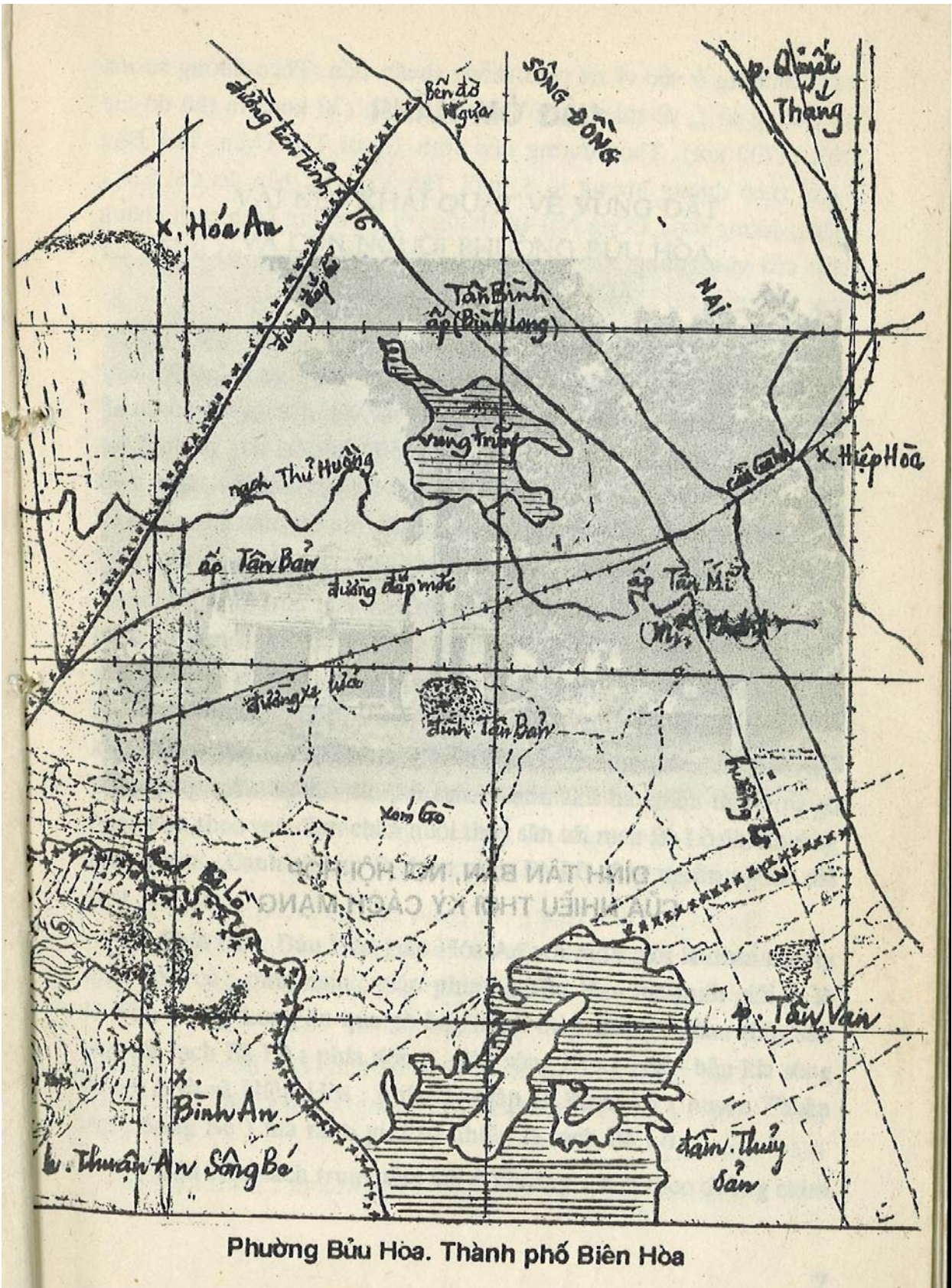


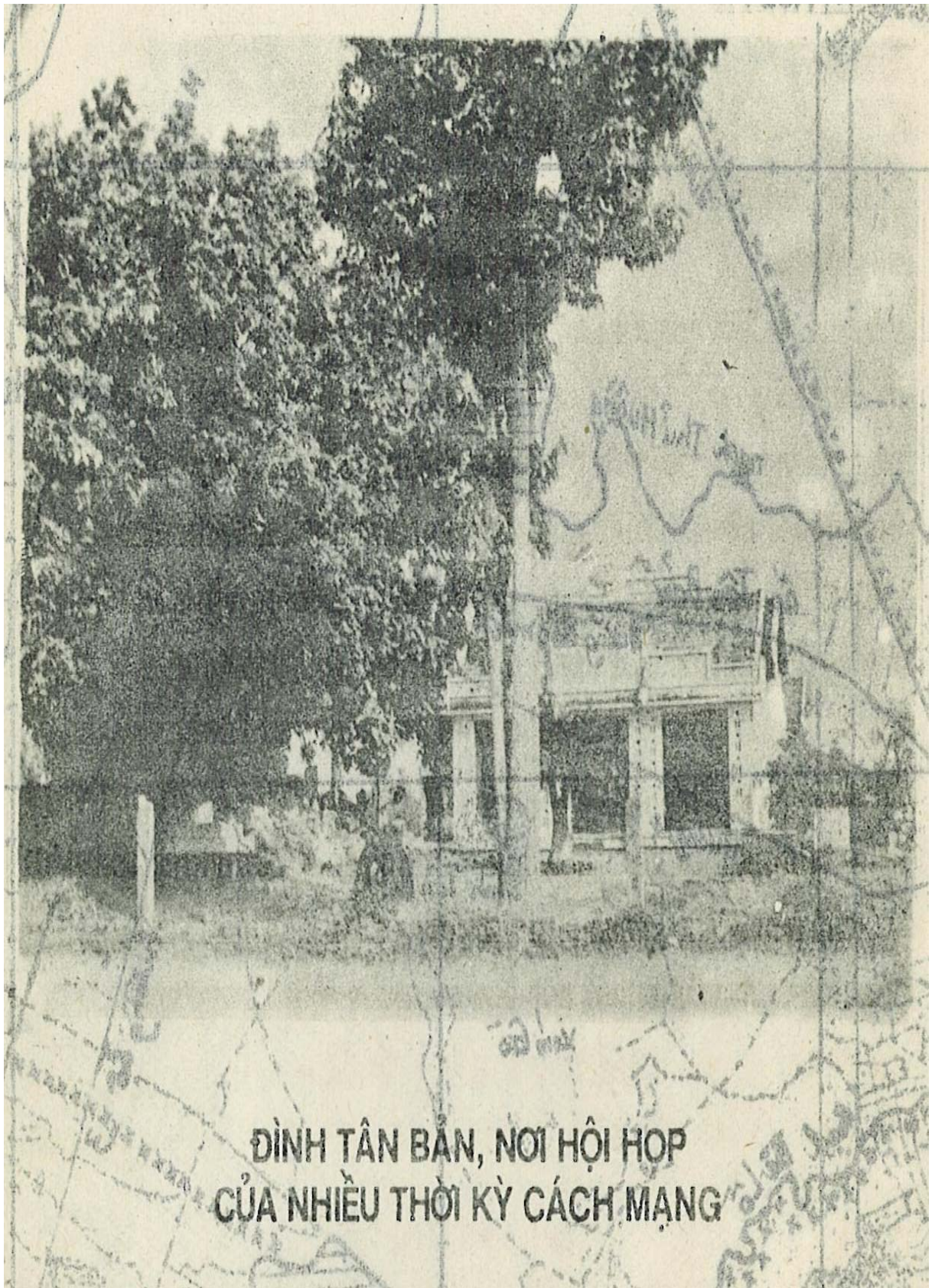
U B N D PHƯỜNG BỬU HÒA  
XUẤT BẢN  
NĂM 1992

ĐẢNG ỦY PHƯỜNG BỬU HÒA

BỬU HÒA  
ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG

U. B. N. D. PHƯỜNG BỬU HÒA  
XUẤT BẢN 1992





**ĐÌNH TÂN BẢN, NƠI HỘI HỌP  
CỦA NHIỀU THỜI KỲ CÁCH MẠNG**

# **PHẦN MỞ ĐẦU**

## **VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI PHƯỜNG BỬU HÒA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Ven dòng sông Đồng Nai gần như quanh năm trong xanh hiền hòa chảy, cách đây vài bốn trăm năm ra đời nhiều tên đất nôm na, bình dị: cù lao Phỏ, Bến Gõ, Bến Cá, Chợ Đồn...quen thuộc, thân thiết với bao thế hệ cư dân đất Đồng Nai, Gia Định. Ông sơ, bà cố ta chỉ biết cái tên Chợ Đồn vì một lẽ dễ hiểu: địa danh Bửu Hòa mới có cách nay vừa tròn sáu mươi năm.

Phường Bửu Hòa nay rộng 4,2 kilômét vuông, diện tích trung bình so hơn hai chục phường xã toàn thành phố Biên Hòa. Về địa thế, phường có hình tứ giác không đều. Một cạnh là bờ sông Đồng Nai từ bến đò Ngựa tới đền thờ Trương Định (Tân Phú) dài 2,6 km. Một cạnh là đoạn quốc lộ 1 cũ từ bến đò Ngựa đến cầu Xếp bắc ngang rạch Bà Lò dài 2,5 km. Cạnh thứ ba chiếu thẳng từ gò ông Sảnh theo ven đầm chăn nuôi thủy sản tới rạch Bà Lò dài khoảng hơn 2 km. Cạnh thứ tư là đoạn rạch Bà Lò chảy ngoằn ngoèo dài hơn 1,5 km.

Phía Bắc, Bửu Hòa giáp Hóa An với ranh giới là đoạn đường quốc lộ 1 cũ; phía nam, giáp phường Tân Vạn mà ranh giới là lò lu Vạn Hưng Long ăn qua gò ông Sảnh men theo bờ đầm thủy sản cho tới rạch Bà Lò; phía đông, giáp sông Đồng Nai – bên kia sông là nội ô và xã Hiệp Hòa; phía tây giáp xã Bình An (huyện Thuận An, Sông Bé) mà ranh giới tự nhiên là rạch Bà Lò.

Bửu Hòa cách trung tâm nội ô khoảng 1 km theo đường chim bay. Phường ở vào vị thế giao thông thuận tiện. Theo đường xe lửa và đường số 1, về thành phố Hồ Chí Minh (30 km), ra

thủ đô Hà Nội (1700 km). Theo đường liên tỉnh 16, đi Tân Uyên, Thủ Dầu Một, theo đường hương lộ 3, xuôi Tân Vạn, tới bên đò Cát Lái... Bằng đường sông Đồng Nai ăn thông với kinh rạch chằng chịt của vùng đồng bằng sông Cửu Long, ghe xuồng có thể đi tới mọi thị trấn, thị xã miền tây Nam Bộ.

Suốt hai thời kỳ kháng chiến dài ba mươi năm, Bửu Hòa là vùng địch chiếm, là vùng kềm (với các mức độ khác nhau tùy từng giai đoạn), Bửu Hòa là một bàn đạp, từ đây cán bộ ta có thể cơ động đi khắp nơi trong và ngoài tỉnh. Mảnh đất nhỏ bé này đã sản sinh nhiều người con yêu nước dũng cảm, che chở nuôi giấu hàng trăm cán bộ các cấp, là địa phương có một số sự kiện đáng ghi nhớ và có bề dày truyền thống đáng trân trọng.

Ngược dòng lịch sử hơn ba trăm năm trước.

Năm 1698, thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) được Chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược vùng đất phương nam vừa khai phá. Ông lấy đất Lộc Dã (Đồng Nai) đặt làm huyện Phước Long lập dinh Trấn Biên; lấy Sài Côn đặt huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn Phủ, Gia Định cai quản cả hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn với bốn mươi ngàn hộ cư dân người Việt làm ăn sinh sống. Sử sách thời Nguyễn Hữu Cảnh chưa ghi tên thôn làng nào ở đây.

Sách Gia Định thông chí (năm 1820) của Trịnh Hoài Đức là cuốn đầu tiên ghi chép tỉ mỉ: các thôn Tân Bản, Mỹ Thạnh... thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, Phủ Phước Long, trấn Biên Hòa. Lúc này thôn Bình Long chưa lập.

Năm 1881, bản đồ Boas – u vẽ ba làng Tân Bản, Mỹ Khánh, Bình Long thuộc tổng Chánh Mỹ thượng, quận Châu Thành tỉnh Biên Hòa.

Năm 1930 ba làng Tân Bản, Mỹ Khánh, Bình Long hợp thành xã Bửu Hòa. Cái tên Bửu Hòa do ông huyện hàm Thoại đặt.

Năm 1963, xã Bửu Hòa thuộc quận Đức Tu tỉnh Biên Hòa.

Trong thời kỳ kháng chiến, ta nhiều lần phân chia lại chiến trường. Năm 1948, xã Bửu Hòa thuộc huyện Tân Uyên. Năm 1951, Bửu Hòa nhập với Hóa An thành xã Hóa An. Cuối năm 1951, Bửu Hòa cắt về thị xã Biên Hòa. Năm 1954, Bửu Hòa thuộc quận Châu Thành; năm 1955 thuộc huyện Vĩnh Cửu; từ năm 1960 đến năm 1967 thuộc huyện Lái Thiêu (tỉnh Thủ Dầu Một); từ năm 1968 đến năm 1970 thuộc phân khu 5 huyện Dĩ An; năm 1971 thuộc thị xã Biên Hòa.

Từ năm 1976, phường Bửu Hòa thuộc thành phố Biên Hòa (Đồng Nai) với năm ban dân phố, năm mươi chín tổ dân phố.

Địa hình phường Bửu Hòa không bằng phẳng. Ấp Tân Bản có vùng đất gò cao trung bình 5 mét, đỉnh gò cao 11,8 mét. Do phương thức đốt rừng từ lâu đời mà vùng gò rộng này đất đai cằn cỗi, trơ sạ sạn sỏi, nghèo chất dinh dưỡng, hàng mấy chục năm bỏ hoang hóa cho cỏ mọc, làm bãi chăn thả trâu bò. Sau vì thiếu đất trồng trọt, nhân dân khai phá làm ruộng một vụ.

Bên trái rạch Thủ Huồng, đất ấp Tân Bình có độ cao sần sần 2,5 mét. Khoảng hàng chục ha đất trũng có cốt từ 0,2 đến 1,2 mét. Vài chục năm trước, đây là ruộng, người ta bán đất lần lần cho các chủ lò gạch, ngói; ruộng biến thành địa, ao. Vùng trũng này nếu được đầu tư cải tạo nuôi tôm cá thì có lợi hơn trồng lúa.

Cách nay trên một trăm năm, Bửu Hòa có nhiều rừng. Nhưng cư dân ngày càng đông và khi các lò lu, hũ, gạch ngói được mở mang dọc sông Đồng Nai thì rừng mất dần. Cho đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở đây chỉ còn vạt rừng chòi ở rừng Tân Bản. Quang cảnh khám thực vật trong vòng nửa thế kỷ nay không thay đổi bao nhiêu. Ngành gốm, gạch ngói, phải mua củi các nơi về chụm lò với giá ngày càng cao nên sản phẩm cũng liên tục tăng giá tương ứng.

Bửu Hòa có hai con rạch. Rạch Thủ Huồng dài hơn hai kilômét bắt nguồn từ Bàu Sấu (Hóa An) chảy theo hướng tây – đông, gần như cắt phường Bửu Hòa làm đôi. Nước rạch lên xuống ngày hai lần theo thủy triều truyền ngược dòng Đồng Nai. Mấy chục năm trước, nước rạch lên xuống chảy từ từ. Khi ruộng cánh đồng Bình Long đào đất làm gạch thành ô trũng hàng chục mẫu, nước lên xuống chảy xiết, lớp bùn đáy rạch bị cuốn trôi tro cả đá thì nguồn lợi cá, tôm, lươn, chạch giảm nhiều. Trước năm 1905, dân xóm Bình Thung đi Chợ Đồn phải qua đò bà Cây ở ngay cầu Quan (đường sắt) bây giờ. Khi đường xe lửa Sài Gòn vươn dài tới đây, cầu sắt được bắc, thì bến đò bà Cây chỉ còn là kỷ niệm trong tâm khảm lứa tuổi quá hiếm.

Rạch Bà Lò dài khoảng 9 kilômét, bắt nguồn từ ấp Tân An (Hóa An) chảy theo hướng chính tây – đông. Đoạn rạch là ranh giới tự nhiên giữa Bửu Hòa và Bình An dài 1,5 km. Xưa kia lòng rạch Bà Lò khá rộng. Từ Bình Thung đi Tân Bản phải qua một cầu đá, nay không còn.

Vùng đầu nguồn và núi Châu Thới bị chặt hết rừng nên cát trôi lấp dần lòng rạch. Lại thêm có chỗ bà con đắp đập lấy nước tưới vào mùa khô mà có lúc lòng rạch cạn khô từng khúc.

Ven hai con rạch này trước đây có nhiều lùm bụi rậm rạp, là nơi cán bộ, chiến sĩ ta lợi dụng lẩn tránh địch trong hai cuộc kháng chiến.

Trước chùa Long Thiên, xưa kia có bến đò Ngựa nằm trên đường cái quan (thiên lí) từ kinh đô Huế vô đất Gia Định. Tại bến đò có trạm đổi ngựa chạy công văn, thơ từ. Khi Tây mới chiếm Biên Hòa, chúng sửa sang con đường này, đi lại bằng ngựa và xe ngựa, có trạm thay ngựa ở chợ Đâu gần Thủ Đức.

Năm 1902 cầu rạch Cát được bắc từ cù lao phố Phố qua đất Phước Lư. Năm 1903 cầu Gành được bắc từ Chợ Đồn qua cù lao Phố. Từ đó ngày ngày dân Bửu Hòa, Tân Vạn qua cầu đi chợ Biên Hòa. Bến đò Ngựa không còn khách đi lại. Bến đò Hóa An thay thế, người đi đò thẳng qua sông là đặt chân tới chợ Biên Hòa.

Vào đời Gia Long, làng Tân Bản rất rộng gồm cả ấp Bình Thung và núi Châu Thới mà chỉ có dăm chục hộ. Làng Mĩ Thạnh ven sông có khoảng năm chục hộ. Vài chục năm sau, dân mới đến lập nên làng Bình Long khi đủ số năm chục hộ. Dân ba làng chủ yếu là người Việt, lục tìm gia phả ngược lên hàng chục đời thì gốc gác đều ở miền trung, nhất là vùng Quảng Bình. Tại đây cũng có một số người Tàu đến làm ăn buôn bán từ Trần Thượng Xuyên kéo thêm người Tàu từ Mã lai đến, tất cả đều đã Việt hóa từ lâu.

Tân Bản có những dòng họ đáng kính gọi là kiến họ, là các họ: Nguyễn, Ngô, Phạm. Làng Mĩ Khánh có các kiến họ: Huỳnh Quang, Trần, Nguyễn Trí, Bình Long có kiến họ Huỳnh.

Dân cư các nơi thấy vùng Chợ Đồn “đất lành” nên “đến làm ăn” ngày càng đông vui. Trước Cách mạng tháng Tám, Bửu Hòa có khoảng ba ngàn, trong đó Tân Bản nhiều hơn hai làng kia chút ít. Tới năm 1973, theo cuốn Địa phương chí tỉnh Biên Hòa thì dân số Bửu Hòa là 13.623 người, gấp hơn bốn lần ngày trước.

Bửu Hòa là vùng đất có cảnh quang sông núi hữu tình. Trước mặt, sông Đồng Nai quanh năm nước trong ngọt chảy hiền hòa, nên sông này còn có tên Thanh Hà. Sau lưng, núi Châu Thới sừng thoải mềm mại, không cao bao nhiêu. Nơi đây từng sản sinh một số nhân kiệt nay trở thành huyền thoại.



Trai Tân Bản xưa có tinh thần thượng võ ham côn quyền, tập ném trái lãn để luyện gân tay và sự chính xác. Cho đến gần đây bà con còn lượm được một số hòn đá xanh to bằng trái banh nặng hàng chục kí. Tương truyền xưa kia có trai làng ném được xa đến hai chục mét. Thuở đó có ông Mạnh gánh trên vai cả ví xe với hai bánh (ví bằng khúc cây to cứng, bánh xe không có cãm) mà đi đứng vẫn nhẹ nhàng. Một bữa, để ngăn hai con trâu mộng đánh nhau chí tử, ông nắm sừng chúng, ghi đầu rồi hất văng hai con ra hai phía. Ven núi Châu Thới cũng còn vài ông Mạnh khác kém sức hơn.

Ông Hồ Văn Vui là một dũng sĩ Tân Bản phò tá Nguyễn Ánh những ngày bôn ba tẩu quốc. Con gái ông, Hồ Thị Hoa, một giai nhân xứ Đồng Nai sau này được Gia Long chăm làm vợ cho mình Mạng. Bà Hoa sinh Thiệu Trị, được phong là hoàng hậu Tá Thiên. Dòng họ Hồ hiện còn lảng tẩm ở Thủ Đức (xưa thuộc trấn Biên Hòa ).

Ông thủ Huồng tên thật là Nguyễn Hữu Hoàng, quê Bửu Hòa, sống vào nửa cuối thế kỉ 18. Làm thư lại kiêm cho vay nặng lãi, ông ta giàu nhanh, chiếm hữu nhiều ruộng đất ở Mĩ Thạnh, Tân Bản và cù lao Phố. Vợ ông chết sớm, không con cái. Quãng đời còn lại, ông hối hận trước đây làm nhiều điều thất đức, nay chuyên làm việc thiện. Ông trả lại ruộng đất cho người cầm cố, xóa nợ cũ, đem tiền của bố thí cho người nghèo khổ. Ông bỏ tiền dựng chùa thủ Huồng – tên chữ là chùa Chúc Thọ ở cù lao Phố, tô tượng, đúc chuông. Ông cho bắc cầu thủ Huồng ở Mĩ Khánh, con rạch cũng mang tên rạch Thủ Huồng. Ông cho làm căn nhà trên bè tre có sẵn nước ngọt, gạo muối...ở ngã ba sông Đồng Nai và sông Sài Gòn giúp các ghe thương hồ. Ngã ba sông đó mang tên Nhà Bè:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về

Nhân vật thủ Huồng qua chuyện kể dân gian là tấm gương khuyên mọi người làm điều lành, lánh điều dữ, nhuộm màu đạo phật.

Ông Nguyễn Trí Lí quê Mĩ Khánh làm bách đàm hộ trưởng – giữ việc thu thuế chằm lá buông – Ông là thân sinh bà Nguyễn Thị Tồn. Nhà khá giả, ông nuôi nho sinh Bùi Hữu Nghĩa (1807 – 1872) thuở hàn vi học thầy đồ Hoành. Nhờ thông minh và miệt mài đèn sách, Năm Ất

Mão (1835), Bùi Hữu Nghĩa đậu giải nguyên (đứng đầu cử nhân) trường Gia Định. Ông Nguyễn Trí Lí gả con gái cho cử Nghĩa.

Bùi Hữu Nghĩa được bổ làm tri huyện Trà Vang đất Long Hồ (Cửu Long ngày nay). Tính ông thanh liêm và cương trực nên ông được lòng dân nhưng bị đám quan lại cấp trên ghét. Qua vụ tranh chấp đồ máu giữa thổ dân Khơme và địa chủ người Hoa ở làng The, bọn quan đầu tỉnh qui tội Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt ông giải về thành Gia Định kết án tử hình, dâng sớ về triều chò phê chuẩn.

Để cứu chồng, bà Nguyễn Thị Tồn trong lúc một mặt gấp rút chuẩn bị ra kinh đô Huế khiếu oan cho chồng, một mặt bà nhờ cậy ông quản Kiểm, anh em bạn dì chồng, trì hoãn việc giao chiều chỉ triều đình gửi vào. Nhờ đó bà có đủ thời giờ đi ghe bầu ra Huế, Bà tìm tới dinh quan thượng thư bộ Lại Phan Thanh Giản trình bày sự việc và ngỏ ý đội sớ kêu oan. Ông Phan giúp bà thảo sớ.

Một sớm tinh mơ, bà đến cửa ngõ môn đánh ba hồi trống vang động hoàng thành. Vua Tự Đức thiết triều cùng đình thần nghe bà bày tỏ nỗi oan của chồng. Sau khi xét kỹ, bộ Hình tuyên án tha tội chết cho Bùi Hữu Nghĩa song bắt ra trận lập công chuộc tội.

Nghe tin có người đàn bà từ xứ Đồng Nai lặn ngòi nước ngàn dặm khiếu oan cho chồng, bà Từ Dũ tức hoàng hậu Nghi Thiên Chương cho vời vào gặp. Bà Tồn tâu rõ mọi việc. Hoàng hậu cảm động, tặng bà tấm biển đề bốn chữ vàng “Liệt phụ khả gia”.

Cách đây dăm chục năm, cư dân ba làng thuộc Bửu Hòa phân bố khác nhau. Bà con Tân Bản ở thưa thớt, nhà nhà đều có vườn rộng rào dậu qua loa đại khái. Tính tình người dân thuở đó thật thà, cả làng không có ai trộm cắp. Bình Thung là một ấp của Tân Bản ở chân núi Châu Thới – từ năm 1930 cắt về Bình An – có tục khi cưới vợ dẫn lễ một đui heo sống cho nhà gái xào đãi khách hai họ. Không có tục rước dâu rình rang như mọi nơi.

Ở Bình Long, ngay Chợ Đồn, nhà cửa san sát kiểu phố phường với các tiệm, quán, cửa hàng. Còn những người làm ruộng thì nhà cũng có vườn tược rộng rãi. Suốt hai bên đường, từ chùa Long Thiên lên tới chợ, cây bụi lúp xúp rậm rạp, những đêm mùa mưa đom đóm bay hàng đàn, những người yếu bóng vía không dám qua lại.

Ở Mĩ Khánh, nhà cửa cũng thưa thớt, chưa kê khít như bây giờ. Số nhà lá trong xã không nhiều, phần lớn là nhà lợp ngói âm dương vách lá hoặc ván. Cả xã có nhà ông hội đồng Thoại xây cất kiểu vi la tân tiến là căn nhà to đẹp, bề thế nhất, làm hết hơn năm trăm tấn gạo theo thời giá. Căn nhà to đẹp thứ nhì của ông quản Quới. Nhà ngói của ông tổng Lại, hội đồng He, cả Tiểu xưa hàng trăm năm. Các ngôi nhà nói trên phần lớn vẫn còn tồn tại đến nay, bị lu mờ đi trước vẻ lộng lẫy của nhiều nhà lầu mới xây cất gần đây.

Người dân Bửu Hòa xưa sống bằng nhiều nghề. Làng Tân Bản đất rộng, dân chuyên làm ruộng, chăn nuôi. Có lẽ vì vậy các cụ đặt tên làng từ câu “dĩ nông vi bản” (lấy nghề nông làm gốc). Đất Tân Bản rộng nhưng kém màu mỡ, huê lợi ít, cấy một vụ mùa nhờ mưa. Đến mồng năm tháng năm âm lịch, làm xong mùa sớm ở quê, nhiều bà con cất công xuống miệt Bến Gỗ, Long Thành làm ruộng. Gần tết, xuống ghe tấp nập chở lúa mùa chính vụ và lúa lỡ về. Nhà thu hoạch ít thì đôi ba trăm tạ, có người được năm trăm hoặc một thiên. Các hộ phần lớn là trung nông, loại bản cổ nông suốt đời đi ở đợ, làm mướn rất ít. Ông hội đồng Thoại (huyện hàm) là rể Bửu Hòa nổi tiếng giàu, ở đây không có mấy ruộng, dăm chục mẫu ở đâu Thủ Đức lận. Ông Nguyễn Văn Nghé trúng vài vụ lúa liền, bỏ ra một ngàn hai trăm đồng mua mười tám mẫu ruộng ở Tam Phước, người nhà gánh máy gánh tiền các và bạc đồng trả cho chủ ruộng.

Trong khi cù lao Phố và Tân Triều nổi tiếng về các loại bưởi, miệt Lái Thiêu Long Thành nức tiếng về sầu riêng, chôm chôm, vú sữa thì Bửu Hòa không trồng đại trà một loại cây đặc sản nào.

Làng Bình Long có nhiều thợ bạc khéo tay chạm trở vòng, khâu, xuyên vàng phần lớn bán cho cù lao Phố xưa để xuất cảng. Một số nhà chuyên làm bún, bánh. Bánh phồng Bình Long có trước nhất trên đất Đồng Nai Gia Định do ba gia đình họ Huỳnh chuyên làm. Bánh nghệ, bánh dầy cũng nơi đây làm mang đi bán ở Chợ Đồn và chợ Biên Hòa. Chợ Đồn nằm ở làng Bình Long là nơi buôn bán sầm uất nhộn nhịp nhờ địa thế ven sông. Người ta chở cát, đá ong, lu, hũ...bằng ghe về miệt Hậu Giang, buôn từ dưới đó cá khô, mắm, muối, lúa nếp...bán tại đây và các vùng chung quanh.

Làng Mĩ Khánh kề sông Đồng Nai có nhiều người làm nghề thương hồ lênh đênh sông nước, cuộc sống nhìn chung khá giả. No đủ về vật chất dẫn đến yêu cầu nâng cao đời sống tinh

thần. Một số gia đình rước thầy đồ hay chữ về dạy, thu hút nhiều học trò phương xa. Làng Mĩ Khánh trở thành đất văn vật, góp công đào tạo nên nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa, một trong bốn “rồng vàng” thuở ấy. Vì vậy tên làng cũ Mĩ Thạnh (đẹp, làm ăn phát đạt) đổi thành Mĩ Khánh (đẹp, có phúc đáng mừng). Nhiều gia đình có con học hành tấn tới, đúng với câu tục ngữ “con hơn cha là nhà có phúc”

Đất Bửu Hòa có một số thợ mộc đóng bàn, ghế, tủ, xuống, ghe và cất nhà có tiếng. Song tới nay, một trong những thế mạnh của địa phương là nghề gốm. Cách nay hàng trăm năm, người Tàu mở một số lò gạch, lu, hũ, chén đĩa...ở Tân Vạn, Bửu Hòa, Hoá An bán đi các nơi. Trong nghề gốm, khó nhất là khâu chám men và chụm lửa. Hai khâu này hoàn toàn do thợ tàu làm vì họ giữ bí mật nhà nghề. Người Việt chỉ được thuê nhào đất, khuôn vác và làm một số việc vặt.

Đầu thế kỉ 20, nhà cầm quyền Pháp mở trường bá nghệ Biên Hòa (école professionnelle: trường chuyên nghiệp) sau đổi thành trường Mĩ nghệ. Trường có vài bộ môn: đúc, nặn gốm, mộc...Ông Đặng Văn Quới sinh năm 1888 là lớp học trò đầu tiên của trường. Khi vào học, ông mới 15 tuổi, nhà nghèo. Hồi đó các nhà khá giả có học nho ở Biên Hòa không mấy người muốn cho con đi học trường tây mở. Tinh thần yêu nước còn chan chứa trong lòng họ biểu lộ bằng cách bài Pháp. Tỉnh trưởng sức giấy cho các tổng, các làng mộ người đi học. Số nhà có máu mặt thuê tiền một số thiếu niên nghèo đi học “thế” cho con họ. Ông Quới đến trường lúc mới biết tròm tròm chữ quốc ngữ. Các giáo sư Pháp giảng bài qua thông ngôn. Ông Quới là người sáng dạ và có hoa tay. Các bài tập vẽ, điêu khắc, đúc, nặn của ông thường được điểm cao. Thuở đó học trò được học bổng 3,5 đồng một tháng (bằng một tạ rưỡi gạo) sống thoải mái. Ông học được hơn một năm, một bữa tỉnh trưởng Biên Hòa đến thăm trường, xem các sản phẩm của ông, hết sức khen ngợi, đặc cách cho ông học bổng “kép” bảy đồng. Sau bốn năm học, ông tốt nghiệp năm 1907, được giữ lại và đề bạt làm giám đốc công (contremaitre) ngày 1-1-1908, trông coi các lớp dưới. Vì vậy bà con gọi ông là quản Quới (quản: trông coi, không phải thượng sĩ). Càng ngày tay nghề của ông càng tinh xảo. Ông vẽ lại hình, ăn công mỗi tấm 15 đồng, mỗi tháng chỉ cần vẽ hai tấm là cả nhà dư ăn xài. Các con của ông Trương Vĩnh Kí mang hai tấm hình chụp thẳng và nghiêng của nhà học giả tới. Hơn một tháng sau, tượng Pétrus Kí nặn xong,

gia đình công nhận thiệt giống và có hồn. Ông cũng tự tay đúc tượng cụ thân sinh, hiện con cháu còn giữ. Toàn quyền Pháp có một pho tượng Phật bằng thứ kim loại dòn, bị gãy tay. Hàng chục nghệ nhân được mời tới ráp, thấy đều từ chối. Ông quản Quới tìm ra một chất hàn chỗ gãy, nhìn vào không phát hiện được vết...Ông từng được viện hàn lâm nghệ thuật Paris tặng bằng khen về một số đồ gốm triển lãm ở bên Tây.

Các lứa đàn em người Bửu Hòa học Mĩ nghệ là các ông Hai Đôi, Hai Ôn, Tư Lối, Tư Thường, Tư Phải, Sáu Tá, Mười Ruộng...Học trò ông quản Quới loại giỏi có các ông Hai Nộ, Năm Tâm, Năm Đồng, Sáu Sạch, Bảy Tây, Tám Yển, Chanh (Khanh), Thứ...Trở thành thợ chánh vào thập kỉ 40 có các ông Ba Cứ, Hai Đắc, Hai Ngọc, Hai Trâm, Chóng, Ba Ngà, Ba Trâm, Hồng Nghi, Tư Phòng Tư Mã, Năm Trí, Sáu Lễ, Chín Bi, Mười Kỉ, Một Cang...Học trường Mĩ nghệ Biên Hòa vào thập kỉ 60 có: Nam Đona, Châu, Tốt, Út, Tư Đạo, Mạnh...Học trò mĩ nghệ học xong thì hoặc tổ chức hợp tác xã gốm, bỏ sức chung vốn; hoặc đi làm công cho chủ lò. Ông Thành Lễ ở Thủ Dầu Một làm sơn mài, qua đây dụ một số thợ mĩ nghệ bằng cách trả lương cao. Chừng dăm năm, khi người của ông ta nắm được nghề thì anh em bị thải dần. Ông Bảy Dạng lập cơ sở gốm ở Tân Vạn thu nạp một số thợ. Từ khi Mĩ vô miền nam, ông Dạng càng ăn nên làm ra. Khách du lịch nước ngoài cũng như lính Mĩ khi rời xứ sở này đều tìm mua đồ kỉ niệm lạ mắt: voi gốm, gạt tàn, bình cắm hoa lớn, đĩa treo tường...Do vậy khoảng năm 1970 Đỗ Nam mở xí nghiệp gốm Đona thu hút mấy trăm thợ, tổ chức sản xuất lối dây chuyền, làm ra hàng loạt sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Từ đó, một số gia đình và tổ hợp cũng bỏ vốn làm gốm. Ngành gốm, gạch ngói trở thành ngành sản xuất chính ở địa phương ngày càng phát triển. Quanh năm khói lò bốc lên nghi ngút.

Là xã ven thành, một số dân nghèo trở thành công nhân. Thợ máy cưa BIF gần một chục người: ông Hai Kiên, Hai Sâm, Hai Sanh, Năm Tài, Sáu Giáo...Thợ nề pô Dĩ An có các ông: Tư Tác, Sáu Hà, Tám Kiềng...Thợ hãng SIT (Sài Gòn) có các ông Năm Kế, Sáu Biện. Sau này, thời chống Mĩ, Bửu Hòa là đầu mối giao thông quan trọng tập trung hàng trăm xe vận tải, số lái xe lên hơn con số trăm. Số đông công nhân này có những đóng góp tích cực trong hai thời kì kháng chiến.

Dân Bửu Hòa phần lớn thờ cúng ông bà tổ tiên theo tập quán lâu đời; “uống nước nhớ nguồn”. Mỗi nhà đều có bàn thờ gia tiên đặt ở nơi trang trọng. Số tín đồ đạo Phật không đông. Cả phường có vài ngôi chùa. Chùa LongThiên dựng năm 1664 vào loại cổ kính ở Biên Hòa. Mới đầu, chùa chỉ là cái am cỏ đơn sơ, qua nhiều lần trùng tu mới có qui mô bề thế như bây giờ. Chùa là một trong các cơ sở cách mạng. Hòa thượng Thích Huệ Thành từng tham gia phong trào cứu quốc. Chùa Thanh Lương cũng là chùa cổ, ngoài thờ Phật, phía sau thờ Trần Thượng Xuyên. Nhà sư trụ trì có một số đóng góp thời chín năm. Chùa Tân Sơn tuy nhỏ cũng được lập hàng trăm năm trước. Chùa Mục đồng (Bửu Linh tự) là chùa nhỏ. Tịnh xá Ngọc Uyển (cở sở Nhất Chi Mai phái khất sĩ của ni sư Huỳnh Liên) mới lập năm 1968, góp phần đấu tranh chống Mỹ Thiệu. Tu viện Quan Âm lập cùng thời gian này, chủ yếu đón khách thập phương vắng lai.

Bửu Hòa có một thánh thất Tin Lành xây cất khoảng giữa thập kỉ thứ sáu, số tín đồ rất ít, không có ai gốc địa phương. Chùa Cao Đài làm năm 1947, số tín đồ cũng ít.

Cả phường có bốn ngôi đình của ba làng Tân Bản, Mĩ Khánh, Bình Long. Thuở đầu khi lưu dân mới đặt chân tới chốn này phá rừng mở đất thì các cụ lập tại mỗi ấp một miếu thờ thần đất theo quan niệm “đất có thổ công, sông có hà bá”. Lâu dần, cư dân mỗi ấp trên năm mươi hộ, trở thành thôn làng thì ngôi miếu nâng cấp thành đình, thờ “thần hoàng bản cảnh”. Cả địa bàn thành phố Biên Hòa với hai mươi ba phường xã có ngót một trăm ngôi đình, chỉ đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh là thần hoàng có tên cụ thể, thờ một công thần có công mở mang bờ cõi cuối thế kỉ 17. Các đình khác nếu có sắc, thì chỉ có bốn chữ “thần hoàng bản cảnh”. Thờ thần hoàng bản cảnh là hình thức con cháu tỏ lòng nhớ ơn tổ tiên tạo dựng xóm làng. Thờ vậy chính là “uống nước nhớ nguồn” theo truyền thống đẹp đẽ của dân tộc ta, cần duy trì mãi mãi về sau.

Đình Tân Bản hàng năm làm lễ kỉ yên ngày 15 tháng 11 âm lịch để cầu cho dân làng yên vui khoẻ mạnh, thời tiết thuận hòa, cày cấy thu hoạch tốt, nhà nhà no đủ. Có người đánh giá mọi thứ lễ hội là duy tâm cần xóa bỏ. Song lễ kỉ yên tổ chức vào lúc gặt hái xong, dân làng có dịp tụ hội, tăng tình đoàn kết và tưởng nhớ, biết ơn công lao các thế hệ đi trước, đó là một trong các nét đẹp truyền thống cần gìn giữ. Đình Tân Bản là di tích lịch sử. Tại đây có nhiều cuộc hội họp từ thời kì Mặt trận dân chủ Đông Dương 1936 – 1939, thanh niên tiên phong tập

luyện năm 1945, du kích hoạt động, nơi họp mặt của học sinh sinh viên...Do muốn bảo tồn các đình trong quá trình cải tạo mà các bô lão Tân Mỹ đổi đình Mĩ Khánh thành đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Tân Phú thành đền thờ Trương Định.

Tại khu gò đất rộng vài mẫu nay lập tịnh xá Ngọc Uyển, bà con dân làng thấy vết tích một công trình kiến trúc cổ xưa chưa xác định niên đại. Gạch ngói bằng đất tốt nung kĩ, bị nát vụn vung vãi trên diện tích hàng mẫu đất. Cách phế tích vài trăm mét về phía nam còn dấu vết một lò gạch lớn. Cách đây vài chục năm ông Ba Hóa mượn đất gò đó, đã bán khoảng vài trăm xe tải gạch ngói xà bần cho người ta đổ nền nhà. Có người phỏng đoán đây là một cung điện vua chúa xưa, có người lại cho đó là ngôi chùa lớn. Trong khi chờ đợi các nhà khảo cổ nghiên cứu, xác minh thì chúng ta có thể sơ bộ đoán định từ xa xưa tại đây đã có con người sinh sống; nhất là ở bên kia sông Đồng Nai, các di chỉ Bình Đa và Gò Me được xác định niên đại cách nay trên dưới ba ngàn năm.

Vào thế kỉ 16, 17 chế độ phong kiến Việt Nam suy tàn khủng hoảng triền miên. Các tập đoàn vua quan Lê – Mạc, Trịnh Nguyễn đánh nhau ngót một trăm năm vì quyền lợi ích kỉ của dòng họ, phe nhóm mình. Giai cấp địa chủ phong kiến Đảng ngoài và Đảng trong lần lần chiếm hữu ruộng đất của nhân dân. Đông đảo người lao động trong cả nước gánh chịu vô vàn đau thương: sưu cao, thuế nặng, mất ruộng đất nhà cửa, bỏ thân nơi trận mạc vì tham vọng của các tập đoàn thống trị...Họ sống không nổi ở quê hương tuy rất gắn bó với nơi chôn nhau cắt rún. Họ đành bỏ lại cây đa, mái đình, lũy tre xanh, mái ầm... thân thương quen thuộc. Nghe nói phương nam xa vời là vùng đất hoang bạt ngàn mà màu mỡ có thể “làm chơi ăn thật”, tuy vô vàn khó khăn gian khổ trước mắt: rừng rậm bạt ngàn, cộp beo, cá sấu, muỗi mòng, đĩa rắn...nhiều người và nhiều gia đình vẫn dùm ghe theo gió mùa vượt ngàn trùng dương sóng gió, dấn thân ra đi tìm đất sống.

Trên đất ngày nay là Bửu Hòa, địa điểm được khai phá đầu tiên là Tân Bản. Lúc Trần Thượng Xuyên dẫn số quân tị nạn vào định cư tại Đồng Nai (năm 1679) mở cảng Nông Nại trên cù lao Phố, buôn bán sầm uất với nhiều nước, thì Tân Bản, Mĩ Khánh đã làm ra nhiều mặt hàng bán cho khách buôn nước ngoài.

Cũng như cù lao Phố, đất Chợ Đồn từng là bãi chiến trường, chịu cảnh binh lửa tàn hại. Năm 1773 ở Quảng Nam, hai nhà buôn người Hoa là Tập Đình, Lí Tài lập hai đạo quân Hòa Nghĩa, Trung Nghĩa theo Tây Sơn. Cuối năm 1776 Lí Tài phản, tạo điều kiện cho Nguyễn Phúc Dương, cháu chúa Nguyễn, bị giam ở Bình Định trốn vào Gia Định. Năm 1777, Nguyễn Huệ đích thân chỉ huy quân Tây Sơn vào đánh Gia Định lần thứ nhì. Quân Lí Tài rút về đóng ở núi Châu Thới. Quân Tây Sơn truy kích. Tại cầu Đá Tân Bản bắc qua rạch Bà Lò – nay không còn – xảy ra một trận quyết chiến. Quân Lí Tài bị đánh tan tác.

Chủ nghĩa tư bản phương tây ra đời và phát triển mạnh vào thế kỉ 17,18 cần có nhiều thuộc địa và thị trường. Tư bản Pháp dòm ngó nước ta từ lâu. Nơi đây sẵn các loại nguyên liệu và nhân công rẻ mạt, cũng là thị trường to lớn tiêu thụ hàng công nghiệp Pháp làm ra với số lượng lớn.

Mùa thu năm 1858 các chiến thuyền Pháp bắn phá cửa biển Đà Nẵng, mở cuộc xâm lược nước ta. Tháng 2 năm 1859 chúng quay vào đánh chiếm thành Gia Định, mưu chiếm đất Nam Kỳ. Đầu năm 1861 nhờ có quân tiếp viện, Pháp nóng ra chiếm các tỉnh lân cận: Định Tường, Biên Hòa. Khi đại đồn Chí Hoà thất thủ, Nguyễn Tri Phương rút quân về Biên Hòa, giàn binh từ Tân Ba xuống Tân Vạn, Long Bình giữ đường bộ; mặt khác có kế hoạch làm cản đá hàn ngang sông. Khi thành Biên Hòa bị đe dọa, dân ấp dân lân Chợ Đồn theo lời hiệu triệu của các sĩ phu yêu nước, đã góp phần chống xâm lăng. Họ chất đầy ghe đá tảng rồ, đánh chìm ở chỗ đá hàn từ Mĩ Khánh qua chùa Ông (cù lao Phố) ngăn tàu giặc ngược dòng Đồng Nai. Theo các bô lão kể lại. Ngày tàu đồng Pháp tiến đánh thành Biên Hòa giữa tháng 12-1861, dân Chợ Đồn cùng nghĩa quân Trương Định đánh trận hỏa công. Hàng ngàn trái dừa bửa đôi dôi bánh dầu chai đốt thả trôi đầy sông. Tuy không đạt kết quả diệt giặc, song cản đá và trận hỏa công đã biểu lộ lòng yêu nước của người dân Chợ Đồn lúc sơn hà nguy biến.

Đầu thế kỉ 20, thực dân Pháp đặt xong bộ máy thống trị trên đất nước ta. Nhưng tinh thần quật cường của người dân Biên Hòa không lụi tàn. Nhà nho Đoàn Văn Cự (1830-1905) tổ chức hội kín đặt căn cứ tại bung Kiệu làng Vĩnh Cửu bên kia sông Đồng Nai. Ông chiêu tập các đồng chí từ Chợ Đồn, chợ Chiếu tới núi nứa (Long Thành). Vùng Chợ Đồn có chín, mười người vào hội: cả Trương đem quân đánh bung Kiệu. Nhà nho yêu nước Đoàn Văn Cự và một số nghĩa



quân hi sinh. Hội kín tan rã. Các hội viên ở Chợ Đồn chưa kịp cùng các đồng chí đánh thành và khám lớn Biên Hòa.

Từ năm 1930 trở đi, một số thanh niên Bưu Hòa không mấy gắn bó với làng quê. Họ thích đi làm thợ. Anh Tám Kiềng (Nguyễn Văn Kiềng) xin vào nhà máy Ba Sơn. Các đồng chí đảng viên cộng sản tuyên truyền giác ngộ anh tham gia công hội đỏ. Tuổi trẻ hăng say hoạt động nên dễ lộ, anh bị mật thám theo dõi. Anh thôi sở, xin vào làm ở đề pô Dĩ An, tiếp tục bí mật tham gia hoạt động.

Năm 1935, Mặt trận nhân dân Pháp thắng lớn trong cuộc bầu cử quốc hội. Chính phủ bình dân do Léon Blum làm thủ tướng chịu ban một số chính sách tự do, dân chủ ở các nước thuộc địa. Tại nước ta, tháng 8-1936 phong trào đại hội Đông Dương lên cao. Các hội ái hữu thợ thuyền, hội đá banh, hội tương tế, hội nhà vàng...ra đời khắp nơi, đòi quyền dân sinh dân chủ phần lớn thu thắng lợi. Ở đề pô Dĩ An, thợ đấu tranh buộc giám đốc Pháp thực hiện ngày làm 8 giờ, đau ốm được chữa...Tham gia đấu tranh tại đây có các anh: Tám Kiềng, Tư Tác, Sáu Hà, người Bưu Hòa . Ngày 10 tháng 7-1937 toàn thể công nhân ga Sài Gòn, đề pô Dĩ An phối hợp với công nhân xe lửa Nha Trang, Đà Nẵng bãi công đòi thi hành luật lao động và tự do nghiệp đoàn. Cuộc đấu tranh này gây rối loạn và thiệt hại lớn cho công ti xe lửa Đông Dương. Các chuyến tàu Sài Gòn – Biên Hoà, Sài Gòn – Mỹ Tho, Sài Gòn – Nha Trang ngưng chạy, sơ thiệt hại ước ba ngàn đồng (100 tấn gạo). Anh Tám Kiềng năm 1937 được kết nạp vào Đảng tại đề pô Dĩ An, là người đảng viên cộng sản đầu tiên của Bưu Hòa. Anh Hai Ké (Phạm Văn Ké) và Sáu Biện (Nguyễn Văn Biện, Nguyễn Thành Đà) làm thợ hăng SIT ở Sài Gòn tham gia cuộc đình công ở hăng đòi chủ phải tăng lương, làm ngày 8 giờ, cai không cúp phạt tùy tiện...Cuộc đấu tranh thu thắng lợi. Thợ hăng SIT còn hỗ trợ thợ thuyền các hăng khác bãi công đạt kết quả. Anh Bảy Tây, thợ gốm mỹ nghệ, tham gia hội tương tế ở Biên Hòa ...Đình Tân Bản vắng vẻ, xa làng xóm, là nơi anh em thợ đôi lần hội họp bàn kế hoạch đấu tranh thời kì Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Khoảng năm 1944 các đồng chí Hoàng Minh Châu và Nguyễn Văn Nghĩa (Xước) len lỏi về Bưu Hòa gây dựng phong trào, xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa. Đồng chí Nghĩa tổ chức nhóm trung niên gồm các ông Ba Cừ, Hai Bốn, Năm Thời, Hai Kéo, Sáu Núi,

Tư Tác, Sáu Biện, Hai Kế. Nhà ông Ba Cử là nơi thỉnh thoảng nhóm này họp mặt bàn bạc chuyện thời sự.

Đồng chí Hoàng Minh Châu tổ chức lực lượng trong giới thợ thuyền và thanh niên, học sinh. Tham gia nhóm này có các anh Lê Văn Nhiều (thợ máy), các học sinh: Trần Văn Dư, Bảy Quới, Bảy Hết, Bảy Tịnh, Tám Quang, Nguyễn Xuân Đài, Nguyễn Trí Phú...Số thanh niên này hằng hái học võ do võ sĩ Cương huấn luyện.

Ngày 9 tháng 3-1945 Nhật đảo chánh Pháp, làm chủ Đông Dương. Nhưng trên chiến trường châu Á – Thái Bình Dương chúng đang thua to. Các vùng đất đai rộng lớn do chúng chiếm đóng trước đây bị thu hẹp dần. Bom Mĩ hàng ngày tàn phá đất Nhật.

Ở trong nước, vùng giải phóng căn cứ địa Việt Bắc mở rộng nhanh. Đội du kích Ba Tơ thành lập ở miền trung. Cao trào chống phát xít Nhật dâng lên khắp nơi. Tháng năm 1945, phong trào Thanh niên tiên phong do Đảng chi phối nhanh chóng lan tỏa từ Sài Gòn ra khắp các tỉnh Nam Kỳ, tập hợp hàng triệu thanh niên yêu nước. Thầy giáo Huỳnh Thiện Nghệ, thủ lĩnh TNTP Biên Hòa, có thư mời anh Trần Văn Dư họp bàn việc phát triển phong trào tại xã. Sau đó ít bữa, tổ chức TNTP hình thành ở Bửu Hòa thu hút hàng trăm thanh niên và trung niên. Ông Hai Kế là đoàn trưởng Tân Bản. Anh Bảy Tây, đoàn trưởng Bình Long, anh Nguyễn Xuân Đài, đoàn trưởng Mĩ Khánh. Các đình và đường làng tối tối trở thành nơi tập đội ngũ. Cái yên tĩnh vắng lặng từ ngàn đời không còn, tiếng hô “một, hai...” vang động xóm làng. Mọi người đều cảm thấy tự hào trong chiếc áo ngắn tay, quần soọc, cuộn thùng bên hông và gậy tầm vông vạt nhọn trên vai. Các tệ nạn xã hội: trộm cắp, cờ bạc, đĩ điếm... bị luồng gió mới quét sạch nhanh chóng.

Tháng 8-1945 đây sôi động. Phát xít Nhật đầu hàng đồng minh không điều kiện. Tin tức tổng khởi nghĩa thắng lợi từ các tỉnh, thành phố dồn dập bay về làm nức lòng dân Bửu Hòa. Chính quyền lần lượt về tay nhân dân thủ đô Hà Nội, kinh thành Huế, Đà Nẵng. Ngày 25-8 hơn nửa triệu quân chúng Sài Gòn và các tỉnh lân cận kéo về cướp chính quyền và mít tinh chào mừng Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ ra mắt đồng bào.

Theo chỉ đạo của đồng chí Nghĩa (Xước), nhóm trung niên treo tám biển đỏ với hàng chữ vàng đậm nét “Tổng bộ Việt Minh” trước cửa nhà ông Hai Bồn, thu hút sự chú ý của đông đảo

bà con<sup>(1)</sup>). Sáng sớm 27 tháng 8, các đoàn TNTP cùng đồng bào Bửu Hòa đi theo đội ngũ tề chỉnh đi tham dự lễ ra mắt của ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa. Hàng chục ngàn người sau đó diễu hành biểu dương lực lượng to lớn của quân chúng với khí thế vui mừng say sưa, long trời lở đất vì từ nay ta đã rũ bỏ mọi xiềng gông nô lệ, tự mình làm chủ cuộc đời. Các sự kiện diễn ra mau lẹ, được hưởng độc lập tự do rồi mà còn tưởng như mơ.

Lịch sử Bửu Hòa từ nay mở qua trang mới.

## PHẦN THỨ NHẤT

### CHÍN NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC

Làn sóng cách mạng do đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo dâng trào làm sụp đổ toàn bộ nền thống trị thực dân, phong kiến tồn tại ngót trăm năm trên đất nước ta.

Ban hội tề xã nộp con dấu và hồ sơ sổ sách cũ cho chính quyền cách mạng. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Bửu Hòa được thành lập. Chủ tịch là ông Hai Kế (Phạm Văn Kế); Phó chủ tịch: ông Lâm (nhân viên xe lửa); phụ trách quốc gia tự vệ cuộc: anh Bảy Tịnh; ủy viên quân sự: anh Bảy Hết; thư kí kiêm tài chánh: anh Trần Văn Dư, chủ nhiệm Việt Minh: ông Ba Cừ. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ lần lần hình thành.

Trong không khí độc lập tự do hân hoan náo nức, các đội Thanh niên Tiền Phong phát triển mạnh, thu hút hầu hết thanh niên và trung niên. Anh chị em hằng hái luyện tập quân sự vào các buổi chiều và tối, đêm đêm chia nhau tuần tra canh gác xóm làng. Không khí thôn xóm trở nên sôi động chưa từng có với những khuôn mặt ngời sáng rạng rỡ. Lúc đầu TNTP Bửu Hòa mới có vài khẩu súng. Một viên sĩ quan Nhật có cảm tình với cách mạng ủng hộ một khẩu và vài trái lựu đạn. Cựu hương quản Phê giao một súng săn calíp 12, hương quản Tiên nộp một súng Remington. Các ông Tư Tác, Sáu Hà, Bảy Tây tổ chức rèn dao, dáo, mác trang bị cho anh em. Đội TNTP Tân Bản tập ở đình Tân Bản được cả làng ủng hộ gạo. Các bà Ba Thín, Tư Sửu, Sáu Thanh...cho cá khô, mắm, muối, tiền mua rau. Các ông Ba Bờ, Ba Bưởi nhận việc nấu ăn hàng ngày cho anh em rảnh rang luyện tập. Các đội TNTP Mĩ Khánh, Bình Long cũng được bà con ủng hộ tương tự.

---

(<sup>1</sup>) - Căn nhà này ở ngay ngã tư Chợ Đồn, trước cổng xe lửa.

Để có cán bộ chỉ đạo phong trào, anh Bảy Hết được cử đi học lớp huấn luyện cán bộ du kích ở Bà Bao (Vĩnh Cửu) – nhiều người quen gọi là trường quân chính Bình Đa. Sau đó anh Tư Đức (Châu Ngọc Đức) đi học lớp huấn luyện du kích ở sở Tiêu (Đất Cuốc). Một nhóm gần một chục người gồm: Sáu Giáo, Sáu Mạnh, Tư Thiết, Chín Đi, Chín Quới, Ba Dân, Ba Tháo... học một lớp ở Phước Thiện (lớp này mần khóa lúc Tây trở lại chiếm Biên Hòa. Các anh rủ nhau thử đánh một trận ở Cầu Nước Trong xã Phước Tân. Với ba cây súng cũ, mỗi cây hơn một chục viên đạn, anh em bắn vài loạt đạn. Lính trên xe nổ súng như mưa vào rừng. Hai bên đều vô sự. Qua thử lửa trận đầu, tinh thần anh em được tôi luyện, thấy địch không ghê gớm như lời đồn thổi).

Ngày 2 tháng 9-1945 hai anh Trần Văn Dư và Lê Văn Bê cùng khoảng ba chục TNTP Bửu Hòa cơm ăn cơm giờ, về Sài Gòn dự mít tinh nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập từ vườn hoa Ba Đình. Anh em tham gia diễu hành góp phần biểu dương sức mạnh to lớn của quân chúng cách mạng trước con mắt quân đồng minh. Bỗng súng của một số tên phản động Pháp từ lầu cao bắn xuống đoàn biểu tình. Anh em Bửu Hòa hăng hái xông lên một ngôi lầu, bắt một thằng Tây và một mụ đầm giao cho đội trật tự ở đó.

Khi chiến tranh thế giới thứ nhì kết thúc, thực dân Pháp còn tham vọng duy trì chế độ thuộc địa lỗi thời. Quân Anh-Ấn vào miền nam vĩ tuyến 16 tước vũ khí quân Nhật bại trận. Pháp cử ngay một đạo quân theo chân. Cậy lực lượng làm hậu thuẫn, thực dân Pháp liên tục khiêu khích ta. Ngày 23-9-1945 chúng nổ súng mở màn xâm lược nước ta một lần nữa. Theo lời kêu gọi của xứ ủy và UBHC lâm thời Nam Bộ, nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn đứng lên bảo vệ thành phố, bắt đầu cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân cả nước hướng về nam. Các đoàn quân nam tiến từ miền bắc, miền trung rầm rập kéo vào Sài Gòn.

Sau khi có quân tiếp viện từ Pháp qua, bọn thực dân tìm cách nóng ra các tỉnh chung quanh. Để bảo tồn lực lượng, các đơn vị vũ trang ta lui khỏi mặt trận cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Bến Phên... Rồi mặt trận cầu Bình Lợi cũng lui. Một đơn vị thiện xạ về nà của đồng bào dân tộc ít người án ngữ cầu Hang ít bữa rồi cũng rút về phía Xuân Lộc.

Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ ra lệnh tiêu thổ kháng chiến và có chủ trương vận động dân chúng tản cư khỏi những nơi địch có thể tràn tới. Chấp hành lệnh trên, dân quân Bửu

Hòa đốt nhà hội để giặc không thể lợi dụng đóng quân khi chúng kéo đến. Hàng cây sao hai ven đường số 1, tinh lộ 16 và hương lộ 3 bị chặt ngã làm vật chướng ngại giao thông. Nhiều gia đình tản cư về bên Gò, Long Thành.

Sáng 25-10-1945 một đoàn xe quân sự mấy chục chiếc do bọn Anh-Ấn đi đầu quân Pháp đi sau, có bốn xe thiết giáp mở đường theo đường số 1 từ Thủ Đức tiến lên Biên Hòa. Hồi đó rừng phủ kín núi Châu Thới trùm tới cầu Hang và xóm Gò Tân Bản. Đường số 1 nhỏ hẹp ngoằn ngoèo len lỏi giữa đám cây xanh bạt ngàn. Lính Nhật rải suốt từ xóm Tân Bản dưới tới cầu Rạch Cát, cách 100 m một tên để bảo vệ quân đồng minh. Một nhóm thanh niên Bửu Hòa gồm các anh Sáu Giáo, Sáu Mạnh, Tư Thiệt, Chín Quới, Chín Đi... hăng hái, dũng cảm, đầy lòng yêu nước, trước đó bàn kế hoạch đi nhậch khá ngây thơ. Thiếu vũ khí, các anh kiếm một số tìn sành, nhồi đầy đá xanh, tính đứng trên cầu hang ném xuống đoàn xe chạy qua phía dưới, có thể gây thương vong cho địch. Trải qua một tháng đụng đầu với quân kháng chiến ở Sài Gòn, nay tiến vào đất lạ, chúng rất thận trọng. Xe thiết giáp chạy đầu đoàn, mở đường một quãng thì dừng lại chờ các xe sau từ từ cận đuôi. Chúng hành quân theo lối sâu đo. Bọn lính thỉnh thoảng nổ súng vào các nơi đáng ngờ. Mấy anh nằm trên cầu Hang nghe đạn réo trên đầu, coi mòì khó thực hiện kế hoạch bèn nhanh chóng rút vô rừng Hóa An.

Ít bữa sau các anh lại định chặn địch ở gần chùa Long Thiền, không cho chúng tiến lên Tân Uyên. Với gậy tầm vông vạt nhọn và giáo mác thô sơ, các anh núp chờ sau những lùm bụi rậm rạp ven đường. Bất ngờ, mấy xe lính chạy từ Hóa An về, xả súng rầm rầm uy hiếp tinh thần nhân dân. Liệu thế không đánh được, anh em rút lui.

Khi giặc kéo tới, bà con Bửu Hòa tạm lánh xa đường cái. Tình hình yên yên, mọi người lại về làm ăn bình thường. Một toán lính Chà chớp đóng đầu cầu Gành bảo vệ giao thông của chúng. Tụi này thường mò vào vào xóm cướp của, bắt heo gà vịt. Với cây súng đeo vai, một tên có thể nghênh ngang đi lại như chỗ không người. Một bữa, cô Thơm đang chăn trâu ở đồng Tân Bản dưới, bị một tên Dĩ An đen tới đè xuống định làm hỗn. Em Thành cùng vài trẻ chăn trâu gần đó chạy tới. Em lôi tên này ra. Cô gái hú vía chạy mất. Bị vượt mòì tên lính kê súng ngang vai Thành nổ một phát đing óc rồi nó thủng thỉnh về bót. Một lần giặc đi bố ở Bình Long, gặp bà Thôi điếc đội hơn chục lít gạo trên đầu. Chúng kêu đứng lại, bà vẫn đi lừng lững nên bị

chúng bắn chết. Một bữa khác chúng bắt em Tí 15 tuổi giải về bót rạch Cát (Hiệp Hòa) đánh đến chết...

Giặc trở lại chiếm Biên Hòa, tình hình Bửu Hòa thay đổi hẳn. Không khí vui tươi của những ngày tổng khởi nghĩa không còn. Đêm đêm xóm làng chìm đắm trong cảnh im lặng nặng nề. Tỉnh thoảng một vài tràng súng giặc nổ vu vơ đột ngột xé tan cái im lặng trong nhân dân. Nhiều người tự hỏi: ngày mai sẽ ra sao? Tương lai có vẻ đen tối hãi hùng.

Chính quyền đoàn thể xã Bửu Hòa từ khi giặc chiếm đóng hầu như ngưng hoạt động. Ông phó chủ tịch Lâm bỏ về Sài Gòn và từ đó bất tích. Ông chủ tịch Hai Kế bám địa phương bị địch lòng bắt được (khi được tha, ông về Sài Gòn làm ăn, thỉnh thoảng có đóng góp cho kháng chiến ít nhiều). Số dân quân cũng rã một phần. Chỉ còn chưa đến hai chục anh em gan dạ vẫn trụ lại hoạt động ngầm ngấm. Anh em tổ chức canh gác ở bên kia rạch Thủ Hoàng. Khi lính vừa ra khỏi tua cầu Gành, anh em báo động cho dân Mĩ Khánh kịp thời trốn tránh.

Ông Tư Tác là linh hồn của dân quân du kích Bửu Hòa lúc đó. Ông gặp một số thợ tốt làm ở hầm đá Châu Thới của ông phủ Lố, xin vài thỏi mìn dẻo. Một đêm đầu tháng 11-1945 ông chỉ đạo anh em phá hoại một số điểm. Chợ, mấy năm trước lính Nhật cất ba dãy trại lợp lá thưng ván chung quanh. Các anh bí mật bò vào phía sau trại, nặn thuốc mìn thành thỏi dài, đặt vào mấy góc rồi cắm mấy cây nhang làm dây cháy chậm, khi anh em rút xa, nhang bén vào thuốc, lửa phà ra đốt cháy mái lá. Trời khô ráo, gió thổi nhẹ nên lính Nhật bó tay chỉ đứng kêu la ầm ĩ. Ít phút sau, ba dãy trại ra tro. Một tốp anh em đột nhập ga xe lửa Chợ Đồn, kêu sếp Liên ra khỏi rồi đốt giẻ tẩm dầu giắt vào rui xà gỗ. Ga bị thiêu sập. Anh em quay ra đốt nhà hát và nhà lồng chợ. Chợ chỉ cháy một góc (sau này lính Cao Đài sửa chợ làm tổng hành dinh). Súng ở đầu cầu bắn dữ dội chỉ để chúng tự trấn an.

Mấy đêm sau, anh em phá cầu Quan định cắt đứt đường xe lửa. Anh Bảy Tây gác phía Chợ Đồn. Ông Sáu Hà gác phía cầu hang. Một nhóm gồm ông Tư Tác và các anh Chín Đi, Chín Quới, nhóm kia có các anh Sáu Giáo, Sáu Mạnh, Tư Thiệt; mỗi nhóm đục một lỗ ở mố bệ cầu rồi nạy mìn. Mìn nổ làm bệ cầu phía cầu Hang nứt, bệ phía Chợ Đồn nứt, vỡ miếng to rớt xuống rạch làm cầu nghiêng đi. Pháp bắt lính Nhật sửa ngay cho xe lửa chạy.

Một lần khác, lực lượng vũ trang Tân Uyên do đồng chí Cổ Tấn Chương chỉ huy gắn mìn hai bên thành sắt. Mìn chỉ nổ một bên, đứt hẳn thành cầu làm cầu nghiêng. Tây tức tốc cho sửa chữa lại, xe lửa chạy qua chậm chậm vì cầu yếu.

Anh chín Chút ở gần cầu bị lính Chà chớp theo lệnh viên chỉ huy Ănglê bắt giải lên cò Tây Biên Hòa điều tra vì nghi anh có liên quan tới vụ phá cầu. Anh trình bày thẳng với y: anh đang bị lao do đòn Nhật trước ngày đảo chánh nên không thể tham gia gì. Một số thông ngôn quen biết nói giúp nên anh được tha. Anh xin giấy thông hành đi Sài Gòn trị bệnh với mục đích đi công khai từ nay.

Theo chỉ đạo của đồng chí Tám Nghệ (Huỳnh Văn Nghệ), đêm 1 rạng ngày 2 - 1 - 1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa tập kích vào nội ô bằng nhiều mũi. Đội du kích Bửu Hòa với số quân hai tiểu đội trang bị 8 súng trường, súng săn và một tiểu liên, một số lựu đạn còn toàn dao mác, đã bàn bạc đánh tua cầu Gành phối hợp với chiến trường chung. Tiểu đội Sáu Hà có Lưu Văn Hoàng, Ba Yên (Trần Văn Luông), Bùi Văn Lự, Năm Thạnh và mấy thanh niên mới gia nhập, bố trí ở phía đình Mĩ Khánh và chùa Thanh Lương. Tiểu đội Bảy Tây có Sáu Mạnh, Sáu Giáo, Bảy quới, Tư Thiệt, Chín Đi, Ba Dần, Hai Trọng, Tư Đức... là mũi chủ công đánh thẳng vào đầu cầu. Bộ phận cứu thương có các chị Sáu Thanh, Lựu, Châu và ba bà tiếp lương, nấu ăn: Ba Bờ, Ba Bưởi, Ba Thìn.

Vào quăng 10 giờ đêm mùng 1, một đơn vị Bình Xuyên khoảng một trung đội đầy đủ súng ống, đi ghe từ phía Tân Vạn lên cập bến sông ở dưới chùa Thanh Lương. Chỉ huy đơn vị là Danh, người nhỏ thó có biệt hiệu Mười Hai, dí súng lục vào anh Năm Thạnh, bắt dẫn lên đầu cầu. Nhưng anh mắc nhiệm vụ nên anh nhờ một dân quân khác dẫn đường. Toán quân Bình Xuyên không mấy háng hái ra trận, họ đi rời rạc với vẻ ngại ngần, luôn miệng chửi thề. Khi súng ở nội ô vang dậy, đơn vị này lạng lẽ rút lui, xuống ghe chèo xuôi dòng.

Tiểu đội Sáu Hà nổ súng thu hút hỏa lực địch ở đầu cầu về phía đình Mĩ Khánh. Khẩu súng máy địch nhả những luồng đạn đỏ lừ về phía đó. Tiểu đội chủ công Bảy Tây tiến thẳng lên đầu cầu. Cây calip của anh phà lửa, bắn ngả tên cầm súng máy. Anh hô “sung phong” xông lên cướp súng giặc. Nhưng hỏa lực địch mạnh chặn mũi tiến công của ta. Anh trúng đạn hi sinh trong tư thế tiến công. Anh em ta rút lui. Hôm sau gia đình nhờ người tới xin xác về mai táng.

Bảy Tây (Trần Văn Tây) là thanh niên Bửu Hòa đầu tiên ngã xuống, nêu cao tấm gương quên mình cho đất nước, cổ vũ nhiều thanh niên khác tiếp tục sự nghiệp đấu tranh cách mạng đầy khó khăn gian khổ. Hơn tám chục anh em Bửu Hòa từ đó lần lượt thoát li gia đình, gia nhập bộ đội và cơ quan: Nguyễn Xuân Đài, Nguyễn Hoàng Cầu, Nguyễn Văn Quang, Bùi Văn Hết, Nguyễn Trí Phú, Lê Văn Bê, Huỳnh Kim Quới...

Đám Tề và Cao Đài xã Tân Vạn được Tây cho mười súng. Một tối, đồng chí Tám Nghê có du kích Bửu Hòa yểm trợ, đi một ghe về đó, mời ông Mười Lớn (Mười Dự) xuống gặp. Sau một hồi nghe giải thích chủ trương đường lối kháng chiến của chánh phủ cụ Hồ, Mười Lớn đồng ý giao sáu khẩu để ở nhà hội. Còn bốn khẩu do các người khác cất giữ tại nhà không thu được. Đội du kích Bửu Hòa được tặng bốn cây làm vốn tăng cường hỏa lực chiến đấu.

Sau Tết Bính Tuất (1946), đội du kích Bửu Hòa trang bị một chục súng, do anh Tư Đức chỉ huy, qua sông phối hợp với cán bộ và du kích cù lao Phố đánh bót sếp Phận ở chợ Mới (Hiệp Hoà). Bót này có một tiểu đội pactidăng, cách bót cầu Rạch Cát vài trăm mét. Các anh Nguyễn Tạo và Nguyễn Thành Đồng dẫn đường. Đội du kích Bửu Hòa áp sát bót, nổ vài loạt đạn rồi xung phong. Lính pactidăng chống trả rời rạc rồi bỏ chạy tán loạn nhờ đêm tối. Anh em du kích thu chiến lợi phẩm, rút lui an toàn sau mười phút chiến đấu.

Gần suốt năm 1946, ban ngày địch thường càn bố, tuần tra ở Mĩ Khánh, Bình Long; còn ở Tân Bản ít khi chúng qua cầu Quan. Chúng cho giữ nhà ông hội đồng Ngô Văn Đen mà chúng gọi là “trụ sở Việt Minh” vì trước đây ta thường hội họp. Gõ cây được chở về dựng lại nhà hội cũ (ta phá trước khi Tây tới). Ông Năm Đảo bị Tây bắt ra làm làng. Không chịu làm tay sai, ông cự lại. Tối hôm sau chúng bắt anh Hai Tây, con trai ông, về bót Tân Vạn, tra tấn rất dữ, nhốt hai tháng mới tha. Chúng gọi một số hương chức ra lập lại tề làm việc cho chúng. Hào khí của những ngày tháng tám năm trước còn âm vang, nên số hội tề ló mặt mới đầu khá dè dặt. Theo chủ trương diệt tề trừ gian của tỉnh và quận Châu Thành có lần giữa ban ngày, người ta thấy anh Sáu Mạnh xách súng đi tìm bắn hội tề, ngăn chặn bót những kẻ mạnh tâm làm tay sai cho giặc.

Ban đêm cán bộ và du kích Bửu Hòa hoàn toàn làm chủ. Bộ máy kháng chiến và các đoàn thể được gây dựng lại. Chủ tịch UBND xã kiêm phụ trách tài chánh: Sáu Biện (Nguyễn



Thành Đà), xã đội trưởng: Tư Thiệt (Huỳnh Văn Thiệt), xã đội phó: Ba Dần (Tần Văn Dần), trưởng công an: Hai Răng (Nguyễn Văn Răng), bí thư TNCQ: Dư Văn Mang, đoàn trưởng phụ nữ: Diệp Ngọc Nữ, đoàn phó: Trần Thị Quê... Cán bộ du kích đêm đêm gặp bà con và gia đình để tuyên truyền cho công cuộc kháng chiến của chính phủ Hồ Chí Minh, mặt khác vận động nhân dân ủng hộ gạo, tiền. Thực hiện sự chỉ đạo của quận ủy Châu Thành phá hoại giao thông địch, anh em tổ chức bà con đào phá đoạn quốc lộ 1 chạy qua Tân Bản dưới (ban ngày chúng lại xách súng lừa dân ra lấp lại cho xe chạy).

Số hội tề cũ dựa thế Pháp và Cao Đài dần dần ngóc đầu dậy, dò xét cán bộ và du kích về hoạt động. Tình hình địa phương căng thẳng ngột ngạt, hàng chục thanh thiếu niên thấy ở nhà cũng không yên bèn tìm cách đi thoát li, trong số đó có Ba Thành (Võ Hà Thành) mới 14 tuổi. Theo chỉ đạo chung của tỉnh và quận về công tác diệt tề trừ gian, các anh Tư Đức, Tư Thiệt, Sáu Giáo, cùng đội du kích Bửu Hòa ngay giữa ban ngày về “mời” các vị: quản Tiên, quản Răng, hào Lam, Mười Kiềm, Năm Di, Bảy Vinh, Bảy Dóc, Ba Sọc, Ba Lèo, Năm Thì, Tư Bôn...ôm theo sổ sách và mộc triện lên căn cứ An Phú xã. Ta không bắt ông Ba Cừ, chủ nhiệm Việt Minh cũ, và ông Bảy Hiến. Ông Tư Đức bảo lãnh cho hai ông Tư Bôn và Năm Thì về. Quản Răng thừa lúc anh em canh giữ sơ hở đã trốn thoát, còn số kia mất tích. Số tề cũ bị mời đi có tác dụng ngăn chặn những kẻ lăm le nhảy ra làm tay sai cho giặc. Mãi sau ông Khoa đơn thân độc mã ra làm xã trưởng để cho có. Ông ta làm việc chiếu lệ, đến năm 1952 thì Pháp thăng cho chức cai tổng. Ông Bảy Kí, một người tốt tham gia kháng chiến thời kì đầu, thay chân cho xã Khoa cho tới năm 1962.

Nhiều nhà thuộc xã Bửu Hòa ở ven sông Đồng Nai có xuồng ghe riêng. Nhóm ông Ba Cừ, Tư Bôn hồi đầu kháng chiến nhiều lần dùng ghe tiếp tế lương thực cho một số cơ quan tỉnh Biên Hòa đóng ở Tân Uyên, chiến khu Đ. Khi nghe tiếp tế của ông Sáu Núi bị Tây bắn chìm và lính liên tục lùng sục, ruộng bỏ dọc mé sông thì ban tiếp tế phải tránh né, sau đó ngưng hoạt động, tan rã.

Tại Mĩ Khánh, một gia đình thường liên lạc bằng đường sông với xã Hiệp Hòa và căn cứ du kích Bình Đa. Anh em ông Hai Vàng (Lê Văn Vàng), Năm Ngàn (Lê Văn Ngàn), Sáu Đứng (Lê Văn Đứng) ở gần miếu Bà (tên chữ miếu Linh Vạn thần cát năm 1844) và anh em Hai Hiếu

(Bùi Văn Hiếu) ở sát lò lu Vạn Hưng Long là cơ sở giao liên và tiếp tế từ những ngày đầu chống Pháp. Xóm này xa bót cầu Gành, lâu lâu lính Pháp và Cao Đài mới càn bố tới. Dân xóm thưa thớt, toàn người tốt, giữ bí mật cho kháng chiến. Bất kì ngày đêm nếu cán bộ, bộ đội cần thì ba anh em họ Lê sẵn sàng chở qua sông không nề nguy hiểm. Tàu giặc thường chạy trên sông. Nếu cán bộ có giấy tờ hợp pháp, các ông có thể chở ban ngày. Còn bộ đội qua sông thì chỉ có thể chở ban đêm. Khi đèn pha quét trên mặt sông, xuống được thả trôi như xuống cầu. Ánh đèn lướt qua, người chở đồ phải chèo mau vô bờ, men theo mé sông mà bơi tiếp. Khi có địch bắn, người chèo xuống bảo anh em ngồi im, bản thân lội xuống cầm be xuống đẩy đi một khúc. Ông Hai Vàng được giao thu tiền đóng góp của ông bang Đủ (chủ lò gạch người Hoa) nộp cho kháng chiến. Ông Sáu Đứng thường mua đồ tiếp liệu cho căn cứ Bình Đa. Anh Hai Hiếu có hai em là Ba Thảo, Tư Hưng đi thoát li nên hồi đầu tề xã không cấp giấy đi xa. Sau nhờ ông xã Rèn, anh có giấy, mấy lần anh chèo ghe chở cán bộ đi Long Thành, Bà Rịa mua muối, khô mắm, mắm ruốc, đường... về Bình Đa an toàn. Tham gia việc chở đồ còn có các ông và các anh: Hai oai, Ba Dạng, Ba Hoá, Tư Thông, Tám Kim, Huỳnh Quang Khoa, Huỳnh Văn Liêm... Các bến trạm và cơ sở tiếp liệu có các ông Nguyễn Trí Quế, Nguyễn Văn Do, bà Lê Thị Lượng, chị Trần Thị Nữ...

Anh Chín Lộ (Nguyễn Văn Lộ) một thời gian cùng ông Năm Ngàn chở đồ cho bộ đội, cán bộ qua sông. Anh làm thợ khoan đá cho sở trường tiền ở núi Bửu Long. Một tối vào quãng bảy giờ, lính Cao Đài bót Tân Vạn bố ráp khu vực miếu Bà. Anh bị bắt. Cô Bảy – vợ viên sĩ quan Pháp chỉ huy – biết mặt, nhận anh là cậu nên anh được tha ngay. Bữa sau đi làm anh hỏi người cặp rằng:

- Sao tôi có đủ giấy tờ vẫn bị bắt ?
- Ở luôn sở thì khỏi bị bắt !

Như vậy, thân anh khác chi tù khổ sai, mất hết tự do. Anh ra chợ Biên Hòa ăn một tô hủ tiếu, qua đò sang lò lu Hóa An, vào đội du kích xã lúc đó đứng chân tại hóc Ông Che.

Địch chiếm đóng, ruộng bỏ thường xuyên nên UBND xã và du kích đều li hương, đóng ở căn cứ An Phú xã. Đội du kích thường bảo vệ cán bộ các ngành và đoàn thể về Bửu Hòa công tác. Để có tiền chi dùng cho các nhu cầu của công cuộc kháng chiến, ta thu thuế các lò

gạch, lu, lò mổ heo...của các ông bang Đủ, Bảy Lẽ, Sáu Truyện, Chín Ót, Năm Di, Hồng Tâm...Còn với nông dân lao động, ta vận động bà con ủng hộ tùy hảo tâm. Một số gia đình lập hũ gạo kháng chiến, vài tuần lại gom nộp khi cán bộ và du kích về công tác. Bà Trần Thị Sự – con gái ông Phú Đa – hiến tất cả số lư và chân nến bằng đồng thau ở nhà thờ họ cho công xưởng chế vũ khí. Nhiều gia đình có người thân đi kháng chiến, dù nghèo vẫn cố chất bóp tìm cách tiếp tế cho chồng con, anh em những thứ cần thiết: tiền, gạo, thuốc, bút máy, đèn pin...Có khi họ phải vượt qua các đồn bót giặc đầy nguy hiểm để gặp gỡ cho bớt nỗi nhớ thương.

Anh em du kích tổ chức quấy rối lẻ tẻ khiến các tua cầu Hang, tua cầu Sắt, tua bến đò Hóa An ...luôn luôn căng thẳng ăn ngủ không yên. Anh em quấy rối với phá hoại và rải truyền đơn, dán khẩu hiệu ở Chợ Đồn, công xe lửa, rạp hát và các nẻo đông người qua lại. Một lần vừa cắt xong dây điện thoại, tốp anh Chín Lộ đụng địch tại ngã tư. Ta bắn vài phát trong khi địch nổ đạn như mưa. Một bữa khác, vào lúc sáu giờ chiều, trời còn sáng rõ, anh Chín Lộ về xin dân làng được một bao gạo và cá khô, đứng ở cửa tiệm thuốc thầy Năm Đảo chờ đồng đội. Một tiểu đội lính Cao Đài đi tuần, gặp toán du kích ở cầu đúc. Hai bên nổ súng. Lính Cao Đài cạy đông, hô “hệ ! hệ !” (“nghĩa là xung phong”) ầm ĩ. Nghe súng nổ, cây đại liên của Tây đặt tại đầu cầu Gành quét ào ào dọc đường xe lửa bắn gục bốn, năm tên lính từ phía Tân Vạn kéo lên tiếp viện. Phía ta, anh Hai Được bị thương vào gót chân. Anh em rút về Hóa An, tay không. Địch khiêng mấy cái xác về huỳnh hoang rêu rao “hạ được mấy thằng Việt Minh”. Bà con biết chúng nói dóc, chỉ cười.

Lính Cao Đài dò biết đường đi của ta từ Hóa An về, thỉnh thoảng tổ chức phục kích. Một số anh em bị thương hoặc hi sinh lúc về công tác, do đó coi trọng công tác trinh sát, soi đường và dùng tai mắt nhân dân phát hiện. Đúng là “rừng người” đã tận tình cứu mạng, chở che những người con thân yêu đất Bửu Hòa.

Tháng 2-1947 anh Bảy Quới (Huỳnh Văn Quới) cùng anh Tư Đức dẫn một nhóm du kích về xã công tác. Chỉ anh Tư Đức có súng lục giắt lưng quần. Các anh khác đi tay không. Tại hẻm ngõ gần chùa Thanh Lương, các anh bất ngờ đụng đầu hai tên lính Cao Đài quen là Bảy Nguyên, Bảy Tây. Anh Quới chặn đường chúng, xông vào giật súng để các anh đi sau rút lui, thì bị Bảy Nguyên bắn gãy đùi. Chúng khiêng anh về nhà hội Bửu Hòa. Tại đây anh sang sảng

chửi mắng bọn cướp nước và lũ tay sai bán nước, bà con kéo lại coi rất đông, hả dạ với lời anh nói. Pháp chở anh lên Sài Gòn cứu chữa để khai thác. Tỉnh lại sau lúc gây mê, anh hỏi người y tá : độc tố ta hay độc tố Tây chữa ? Người kia trả lời độc tố Tây. Anh thè lưỡi, đấm mạnh hai tay vào hàm. Lưỡi đứt, anh gục xuống. Cái chết gan dạ của người du kích trẻ gây niềm cảm phục, xót thương của những người chứng kiến và nhân dân Bửu Hòa. Ít lâu sau em gái anh là cô Huỳnh Ngọc Nữ thoát li gia đình, lên chiến khu tham gia kháng chiến, trả thù nhà cho người anh ruột.

Năm 1947 anh Tám Kiên (Nguyễn Văn Kiên) người đảng viên cộng sản đầu tiên của Bửu Hòa kết nạp tại chi bộ đề pô Dĩ An, bị Pháp bắt. Chúng đày anh trại “cộng sản” ở bót Cẩm Giang (Tây Ninh). Các anh em tù bàn nhau vượt ngục một đêm tốt trời. Cơ thể anh Tám kiên suy kiệt, tàn tạ sau nhiều trận đòn dã man nên anh không thể đi nhanh. Sợ vì mình mà đồng đội có thể bị nguy hiểm, anh quyết định ở lại, trốn trong lùm cây cách trại không xa. Lính Cao Đài truy tìm, bắt được anh, mang về tra khảo nhiều kiểu nhưng anh không khai một lời. Chúng bỏ anh vào cối giã gạo dùng chày mổ quét nát thây. Đó là sự hi sinh liêm liệt của người cộng sản trước quân thù.

Đêm 7-9-1947 lính Cao Đài đi ruồng bố thấy nhà bà Năm sự có một số người. Chúng bao vây, anh em du kích chiến đấu chống lại. Anh Phạm Văn Bình, cán bộ xã đội, hi sinh, cô Phạm Thị An bị đạn chết, em Phạm Văn Út bị thương ở chân thành tật.

Tháng 10-1947, anh Sáu Mạnh (Võ Văn Mạnh) cùng anh Sáu Giáo về công tác nhân tiện ghé thăm nhà. Hai Đạt ở cùng xóm biết, dẫn lính Cao Đài bao vây. Anh Sáu Mạnh y y quen nhau chẳng lẽ y lại bắt, đảng hoàng ra nói chuyện. Anh Sáu Giáo thừa cơ đó đi thoát về phía sau. Anh Sáu Mạnh bị bắt về bót Tân Vạn . Chúng dụ dỗ khá lâu không có kết quả, xoay qua tra tấn xẻo tai, cắt mũi anh. Anh lớn tiếng mắng chửi chúng: lũ bay giết tao thì dễ, chớ không tra hỏi được gì đâu, thằng Mạnh này chết còn trăm ngàn thằng Mạnh khác...Chúng trói anh vào gốc cây, rọc miệng anh để khủng bố đồng bào rồi bắn chết. Bà con Tân Vạn chôn cất anh tử tế với niềm kính phục sâu sắc.

Sau khi thất bại trong chiến dịch Clô-Clô ở Việt Bắc thu đông 1947, Pháp chủ trương tập trung lực lượng quay về bình định Nam Bộ. Chiến thuật Đờ La Tua xây cất nhiều bót, tháp canh

ra đời, đi đôi với việc chúng đẩy mạnh bắt lính nguy để bù đắp số quân thiếu hụt. Lính tăng lên, được Pháp trang bị đầy đủ súng ống. Tại Bửu Hòa, chúng đóng thêm nhiều tua cầu Quan, tua gò ông Sảnh. Nhịp độ cần bổ tăng. Cán bộ và du kích ta thỉnh thoảng đột về công tác chớp nhoáng, ít khi ngủ qua đêm. Căn cứ hóc Ông Che (Hóa An ) cũng bị địch thường xuyên càn quét, anh em lấy đây làm bàn đạp trên đường từ căn cứ An Phú xã thọc về Bửu Hòa. Anh Tư Đức – huyện đội phó – và ông Sáu Biện – chủ tịch xã – được địch treo giải thưởng lớn (tính theo thời giá bằng mấy chục lượng vàng) cho kẻ nào bắt được hặc ám sát. Sau vụ một số người theo đạo “hứa” bị bắt, chỉ một vài gia đình gốc Bửu Hòa như ông Tư Nhòng thờ “thiên nhãn” mong yên thân. Ông Tư một số lần dẫn đường cho anh em về công tác tránh địch, được an toàn. Tín đồ Cao Đài chủ yếu là dân tứ xứ về đây cư ngụ tập trung ở khu chợ.

Một số tên Cao Đài nổi tiếng ác ôn: Bo, Bi, Mĩ...bắt bớ, đánh đập dã man một số bà con. Đặng Đề, quê miền Trung, về đây làm ăn, nhảy ra làm tay sai, đầu trùm bao bố ngồi ở ngã tư chỉ bắt một số người có quan hệ với kháng chiến. Đề và Bo bị du kích diệt. Hai tên Bi, Mĩ chết hụt, từ đó bớt lộng hành.

Áp Tân Bình có Hai Quế (Đỗ Văn Quế) là tên chỉ điểm lợi hại, xảo quyệt. Khoảng đầu năm 1947, y dẫn công an Biên Hòa và lính Tây ở bót Thành Hưng (Hiệp Hòa) về bắt năm người: Chín Át, Bảy Thiệt, Hai Hoàn, Một và Tí. Số khác chạy thoát. Hai Quế khai anh Tí ở trong ban ám sát Việt Minh (?) nên anh này bị bắn chết liệng xác xuống sông Đồng Nai. Bốn người kia bị tra tấn, giam cầm khá lâu, sau vô tội nên được tha. Hai Quế đi lính cho Pháp (Tháng 4 – 1951 y lại dẫn Tây về Chợ Đồn bắt ông Sáu Hòe – nhân viên kháng chiến mật – Phòng nhì máy cưa điều tra khai thác ông với sự tham gia của y. Sau đó ít lâu địch bố trí y vào súng ra hàng, đi theo một đơn vị bộ đội Đào Sơn Tây. Đơn vị nghi là gián điệp, cử một đồng chí theo dõi, vì đơn vị đóng ở đâu liền bị pháo và máy bay địch bắn phá. Rồi y được cấp giấy xuất ngũ, về chợ Biên Hòa làm ăn).

Năm 1948 ta chia quận Châu Thành (Biên Hòa ) thành thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Để phù hợp với yêu cầu chỉ đạo chiến trường, một số xã ở bờ phải sông Đồng Nai như Hóa An, Bửu Hòa, Tân Hạnh, cắt về huyện Tân Uyên. Bộ máy chính quyền và đoàn thể xã Bửu Hòa thay đổi. Ông Sáu Biện được rút lên làm nhân viên tài chính huyện. Ông Phan Ngọc An

thay chức chủ tịch. Anh Trần Văn Chiêu làm phó chủ tịch, thêm Hai Trót làm ủy viên tài chánh và Sáu Đặng phụ trách nông hội. Nhân sự các bộ phận khác vẫn như cũ.

Sau khi quận ủy Châu Thành củng cố (tháng 5-1945), cuối năm 1947 chi bộ Đảng Bửu Hòa thành lập do đồng chí Hai Răng làm bí thư, chủ tịch An là phó bí thư. Số đảng viên có các chị Quế, Nữ, các anh Ba Dân, Chiêu, Mang, Năm Hi. Đó là những người được thử thách, tôi luyện trong công tác và chiến đấu. Số đảng viên tăng dần. Được kết nạp Đảng là các cán bộ, du kích dám chịu đựng mọi khó khăn gain khổ, dám xung phong đi đầu, sẵn sàng hi sinh thân mình cho lí tưởng cao quý: độc lập dân tộc. Đó là những người có đạo đức cao quý “trung với nước, hiếu với dân” nên được dân tin và quý mến.

So sánh tương quan lực lượng và tình hình chiến trường chung Bửu Hòa không phải là nơi chiến đấu thuận lợi, nhưng đây là nút giao thông cơ động đi nhiều ngả. Khu miền đông, tỉnh Biên Hòa và các huyện đều tổ chức cơ sở Bửu Hòa mua đồ tiếp liệu, biến đây thành đầu cầu tiếp tế đặc lực cho kháng chiến. Công nhân máy cưa như các ông Hai Sâm, Hai Kiên, anh Hai Tây, Năm Tài...thỉnh thoảng lấy trộm thau, chì hàn, lưỡi cưa, mũi khoan, dũa... của nhà máy rồi chuyển theo đường dây cho công binh xưởng ở chiến khu. Các ông Sáu Đứng, Bảy Hà, bà Lê Thị Khánh...nhiều lần đi chợ Biên Hòa và Sài Gòn mua các thứ cần: thực phẩm, đồ văn phòng... cô giao liên về lấy mang qua căn cứ Bình Đa, căn cứ An Phú xã hoặc chiến khu Đ.

Theo chỉ đạo của khu, Bửu Hòa là bàn đạp mua đồ tiếp liệu nhẹ: thuốc đặc chế, đồ văn phòng, dụng cụ nhỏ xẻ, pin đèn, dây điện...Bình Thung và Hóa An là nơi vắng vẻ hơn, căn cứ ta mua máy móc, đồng, chì, gang...dùng xe đá chở tới địa điểm hẹn sẵn ở đây thì dỡ xuống, có người mang đi tiếp.

Chị Ba Thành, vợ đồng chí Tám Nghệ, thường từ chiến khu Đ về liên hệ với cơ sở Chín Chút. Chị Ba mang thư giới thiệu của số cán bộ thoát li tới nhà người thân làm bác sĩ, dược sĩ, nhà buôn lớn ở Sài Gòn đều được đón tiếp niềm nở và được tặng một số món. Nhưng để đáp ứng yêu cầu to lớn của kháng chiến, không thể trông chờ số tặng phẩm nhỏ nhoi đó, mà ta phải bỏ tiền mua.

Một trong hai chủ của phạp ma xi Cường Lắm là dược sĩ Trần Văn Lắm, bạn anh Chín Chút, vừa bán vừa cho, song anh này sợ lính kín biết thì lòi thôi. Nhưng đứng bán hàng là một

anh Tây lai, con rể ông Dương Bạch Mai. Có cảm tình với kháng chiến. Anh này dùng giấy tờ của hiệu Cường Lắm đến mua tại hãng chánh, trả tiền mặt, rẻ 50% bán lại cho kháng chiến rẻ 40% mà anh ta cũng lợi 10%. Mỗi lần ta mua vài lí quinine bột, cả kí strychnine, thuốc đặc chế như viên nivaquine, quinine đóng hộp 500 hay 1000 viên rẻ ba bốn lần so với mua lẻ...mang lên phòng bào chế miền đông. Một lần tại bến xe Biên Hòa nhan nhản lính kín, nhà xe đôn đả mời anh Chín Chút lên xe, xe chạy ngay. Song anh cố tình rình rang mở mấy thùng đồ thủy tinh và ống – dưới là thuốc – vừa tỉ mỉ gói bọc lại vừa nói: mấy thứ này dễ bể lắm, các ông nặng tay hư hết của tôi, để tôi bọc lại đã...Lính kín không xét hỏi, anh lên xe an toàn. Mua nhiều thuốc men, dụng cụ mà đi xe đò thì nguy hiểm, dọc đường Sài Gòn – Biên Hòa có nhiều chặng xét hỏi. Để bảo đảm an toàn cho việc tiếp liệu, anh vận động anh Bản, một người bạn làm ăn khá giả, ủng hộ tiền mua một chiếc ô tô Peugeot 202 giá 15 ngàn đồng (bằng hai chục lượng vàng). Có xe rồi, nhưng muốn an toàn thật sự, mỗi lần chở hàng, anh căn chính xác giờ nghỉ và đổi gác ở các cầu Bến Phên, Bình Lợi, ngã năm Bình Hoà.

Mua sỉ ở bất cứ hiệu thuốc nào, người mua cũng được trừ 15% hoa hồng, nhưng dễ bị mật thám, lính kín phát hiện, khó thoát. Rút kinh nghiệm, ta mua ở hiệu Tây, phạc ma xi Musc gần bót Catinat, ít bị để ý. Anh Chín Chút nhiều lần tới mua thuốc đặc chế với khối lượng lớn đến nửa triệu đồng Đông Dương. Vidal là Tây lai, con ông cả Đành, đứng bán biết anh mua cho chiến khu song vẫn bán và trừ cho 20% theo giấy bác sĩ Cao (Biên Hòa). Qua vài lần tìm hiểu, anh Chín biết Vidal đông con, đời sống không khá. Một bữa, anh Chín “ngoại giao” tặng anh ta một chục bươi Biên Hòa rất ngon. Anh ta cảm động, mời về nhà chơi. Anh Chín nói: Musc rất giàu, có thất thoát chút đỉnh cũng không hề hấn gì, tôi bày cho anh một cách kiếm thêm: tôi mua vài trăm ngàn, anh chỉ ghi hóa đơn một nửa, nửa kia anh lấy và trừ cho tôi tiền xăng nhớt...Lập được quan hệ tốt đẹp với Vidal, anh Chín Chút mua được cả bàn mổ và dụng cụ mổ. Vào các buổi trưa, chiếc ô tô Peugeot 202 lùi đít vào tận kho, xếp hàng lên rồi chạy về Biên Hòa. Hàng được chuyển đi tiếp bằng đường bộ hoặc đường sông.

Trận La Ngà (1-3-1948) thắng lợi có phần đóng góp nhỏ bé của đầu cầu tiếp liệu Biên Hòa. Đồng chí Tám Nghệ làm bài thơ “Trận La Ngà” tặng xã, chị Ba Thành học thuộc và đọc lại cho anh Chín Chút ghi giữ từ năm 1948 tới nay.

Anh Tư Đức (Châu Ngọc Đức) là một thanh niên học sinh thông minh, dũng cảm, xông xáo, đi theo cách mạng từ tháng 8-1945. Sau khi học xong một lớp huấn luyện quân sự, anh được đề bạt làm trưởng ban công tác liên thôn 3. Cơ quan anh đứng chân ở An Phú xã song anh bám trụ bàn đạp học Ông Che (Hóa An), chỉ huy dân quân du kích các xã. Anh thường dẫn cán bộ các cấp thọc về công tác ở Bửu Hòa, Tân Vạn. Thời kì đầu kháng chiến chín năm, anh là một cán bộ nổi tiếng, được đồng chí Tám Nghệ tin yêu.

Một trong những thanh niên Bửu Hòa vào bộ đội đầu tiên là anh Nguyễn Trí Phú, cháu bà Nguyễn Thị Tồn. Có trình độ văn hóa, có tinh thần chiến đấu dũng cảm, trải qua vài chục trận chiến đấu anh được kết nạp Đảng khá sớm. Năm 1948 anh được đề bạt làm chính trị viên đại đội Đống Đa. Lập thành tích kỉ niệm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 1948, đơn vị anh đánh một đoàn xe lửa ở gần ga Trắng Bom. Một khẩu đại liên địch đặt trên toa bọc thép bắn trúng, anh hi sinh trong tư thế xung phong diệt địch.

Đêm 23 tháng 8-1948 bộ đội liên quân gồm: một đại đội của trung đoàn 310, một đại đội của chi đội 6 cũ, trung đội 3 quận Châu Thành, đội du kích Bửu Hòa ...do đồng chí Nguyễn Văn Lắm chỉ huy, đánh bót Cao Đài ở Tân Phước có quân số một đại đội do sĩ quan Pháp làm sếp bót. Bên ta chiếm lĩnh song trận địa thì cơ sở bí mật được thông báo đề phòng đã báo cho số người nhà và dân ở quanh bót tránh xa kéo tên bay đạn lạc. Vì thế kế hoạch đánh bót bị lộ, lính bót Tân Ba được bọn chỉ điểm báo, bao vây phía lưng quân ta. Theo kế hoạch thì đúng 12 giờ đêm ta nổ súng. Nhưng gần 11 giờ lính Cao Đài đã ép sát lưng. Khi chỉ huy Lắm hỏi mật khẩu: “Thái”, đáng lẽ phải trả lời “bình” thì chúng ném lựu đạn vào khu sở chỉ huy. Các anh bắn lại. Ở mũi bên kia nghe tiếng súng, anh lính kèn tuồng đó là lệnh mở màn, bèn thổi kèn xung phong. Lính địch trong đánh ra, ngoài đánh vào nên ta phải phá vây, bị thương vong: anh Sáu Giáo, Hồng, Song (người Tân Hạnh). Trong lửa đạn, anh Tư Thiết công xác anh Sáu Giáo, rồi xin dân chiếc võng, cùng đồng đội khiêng về căn cứ An Phú xã an táng.

Cô Tư Liên (Võ Thị Kim Liên) con ông Bảy Vinh, đi thoát li kháng chiến đúng lúc cha cô bị xử trí oan trong đợt ta diệt tề trừ gian. Nhìn chiếc bút máy của cha nằm trong tay một cán bộ xã, lòng cô đau như cắt. Đồng chí Ngô Bá Cao thử thách cô, nhưng cô vẫn nén nỗi buồn riêng, hăng hái tham gia công tác ở huyện hội phụ nữ Vĩnh Cửu.



Đến năm 1952 cô lập gia đình, có bầu, mới về thành làm ăn sinh sống.

Anh Nguyễn Xuân Đài đi bộ đội, đánh trận dũng cảm, có năng lực chỉ huy nên anh nhanh chóng từ chiến sĩ lên đại đội trưởng C.301 lưu động. Giữa trưa ngày 6 tháng 12-1948 đơn vị anh định đánh kì tập bót Bình Thuận (Thủ Dầu Một). Bót này có một cổng chính, hai lồng cu ở hai góc bót có lính gác. Kế hoạch của ta dùng ba xe bò chứa hơn một chục anh em, trên phủ rơm. Xe chở anh đài đi giữa sẽ xông thẳng vào cổng chính, hai xe kia khống chế hai lồng cu. Do phối hợp không chặt, người điều khiển xe anh lại cho xe đi đầu hai xe kia lẻo đẻo theo sau. Vì xe anh không được yểm trợ, địch tập trung bắn xe anh và anh hi sinh. Hai xe sau đành rút. Bọn lính đã man đập nát đầu anh, kéo xác ra bìa rừng. Bà con địa phương thương xót anh bội Cụ Hồ, đã mai táng tử tế. Bộ chỉ huy quân khu 7 cấp bằng tuyên dương công trạng cho liệt sĩ Nguyễn Xuân Đài.

Một số dân Bình Long trong đó có anh Bảy Vẽ (Lí Văn Vẽ) thỉnh thoảng được huy động đi dân công gánh gạo, muối...từ Bửu Hòa đi căn cứ An Phú xã, Khánh Vân hoặc chiến khu Đ. Đường qua đồng Bà Nghè phải lội dọc con suối dài hàng cây số ở bìa xã Tân Hạnh. Địch dò biết, tổ chức phục kích nên mỗi lần đoàn dân công đi đều có du kích cảnh giới. Tuy vậy, có lần chúng nổ súng bất ngờ, có anh chạy rớt mất quần xắn quanh cổ. Mùa khô còn đỡ, chớ mùa mưa người đi dân công cực lắm. Địa đeo cùng mình, hút no máu căng phình rồi rớt ngay trong quần áo (nhất là chị em cột túm ống quần cho đỡ vướng). Cực thì cực nhưng tới căn cứ, được hít thở bầu không khí tự do trong vùng độc lập, ai cũng vui, tha hồ chuyện trò hát hò cho bỏ những ngày tù túng trong vòng kiểm soát của địch.

Sống cảnh cá chậu chim lồng tủi nhục, bà con luôn hướng về cách mạng, xã Bửu Hòa có hơn tám chục cơ sở ủng hộ thóc gạo, tiền bạc...sẵn sàng nuôi chứa cán bộ, du kích về hoạt động. Bà Huỳnh Thị Mè là mẹ hai chiến sĩ, bị giặc đốt nhà ba lần và thường xuyên bị hăm dọa song lòng vẫn tin tưởng Cụ Hồ và chánh phủ kháng chiến. Ông Lê Văn Núi bị đốt nhà, bị đánh đến thương tật nặng mà không khai báo gì. Ông Ba Tương (Bùi Văn Hai) rành nhiều cơ sở và đầu mối tiếp liệu quan trọng, bị bắt dù đòn tra cỡ nào vẫn một mực “không biết”, được tha về ít lâu thì qua đời. Ông Sáu Đứng là cơ sở đưa rước và tiếp liệu bị tù hai năm, được tha về ít lâu thì chết vì ngấm đòn quá nặng. Bà Lê Thị Khánh ngoài việc tiếp liệu, còn đi Sài Gòn giúp quân đội

Châu Thành lập cơ sở và móc nối vợ con, anh em cán bộ ra bung thăm người thân. Bà Trần Thị Ba âm thầm liên tục nuôi chứa, ủng hộ anh em. Ông Đỗ Văn Sâm bị tù, chết sớm vì đòn giặc. Anh Lèo (Lâm Văn Nở) bị bắt, nhảy từ trên xe xuống đường định thoát thân bị té gãy tay. Anh Thái Văn Cứ hoạt động công đoàn cơ sở mĩ nghệ bí mật bị đánh bẻ tay, chịu điếc suốt đời, không một lời khai...Những tấm gương gan vàng dạ sắt của bà con Bửu Hòa không ít. Quân chúng vừa tiếp tay, vừa động viên cổ vũ người ra đi kháng chiến bèn gan phụng sự nhân dân, đất nước.

Lực lượng vũ trang và cán bộ cách mạng gắn bó với dân như cá với nước. Tuy được nhân dân đùm bọc chở che song địch ngày càng hoạt động mạnh và xảo quyệt nên những hi sinh của ta tăng lên. Tháng 2 – 1949 anh du kích trinh sát Hồ Văn Tùng bị địch phục kích bắn chết. Tháng 4, anh Bùi Văn Lự – đặc phái làm xã đội trưởng Tân Vạn – và anh Tư Thông bị bắt, cùng bị bắn một lượt ở rạch Bà Lò. Tháng 8, anh du kích Trần Văn Hơn hi sinh ở miếu Bình Long. Ít bữa sau, anh Phạm Văn Bình, chiến sĩ bộ đội, bị chết ở Tân Bản. Tháng 9 anh Đoàn Văn Tư, chiến sĩ đại đội Bạch Đằng bị kích chết ở xóm Gò. Các hi sinh không ngăn được cán bộ, chiến sĩ thỉnh thoảng đi, về kể lại những tin chiến thắng các nơi, có tác dụng cổ vũ, gây niềm tin tưởng cho bà con vào sự lãnh đạo của Cụ Hồ và chánh phủ kháng chiến.

Anh Nguyễn Văn Quang (Vũ Khắc Lí) con ông huyện Thoại – đi thoát li từ đầu kháng chiến. Anh vào một đơn vị quyết tử Sài Gòn Chợ Lớn. Đơn vị anh len lỏi trong lòng địch, đánh nhiều trận táo bạo, diệt một số tay sai lợi hại, làm bọn địch mỗi khi nhắc tới đều dựng tóc gáy. Chúng theo dõi đơn vị này rất chặt, treo giải thưởng lớn cho ai báo tin cho chúng. Tháng 10 – 1949, địch được mật báo, đã bao hàm bí mật của anh ở Quán Tre (Hóc Môn). Chúng đánh mìn sập hầm anh hi sinh tại đó.

Để được yên ổn làm ăn, các nhà kinh doanh ta hoặc nước ngoài đều đóng thuế cả hai bên. Nhà máy của BIF, nơi đóng sở chỉ huy của trung đoàn bộ binh thuộc địa 22, cũng tuân theo nghiêm chỉnh. Nhưng vài tháng cuối năm 1949 chủ hãng BIF chênh mảng bản phận nên ta cảnh cáo y. Sáng 24-12-1949 xã đội phó Ba Dần (Trần Văn Dần) và một tổ chức du kích chặn một xe be của hãng BIF ở Tân Bản, cách cầu Hang không xa. Các anh dùng súng không chế tài xế bắt bắt lái ô tô vào đường vô chùa hóc Ông Che (Hóa An). Tài xế Năm Canh được tha. Xe bị đốt.

Chủ máy cưa báo cho nhà binh Pháp, chúng lập tức điều lính bót cầu rạch Cát và lính Cao Đài theo chân Năm Canh, mở cuộc hành quân bao vây hóc Ông Che vào hồi xế trưa.

Lúc này nhà chị Ba Bi có hơn một chục người gồm cán bộ, du kích, dân vào thăm con em đi thoát li. Lính đông ủa vào bắt sống anh em, bên ta chống cự lại, bị chúng giết gần hết. Chiều hôm đó, một người dân Hóa An ra báo cho số gia đình Bửu Hòa có người thân bị giết hại, vào chôn cất. Trước mắt những người được mục kích, bày ra quang cảnh đau thương. Ngôi nhà chị Ba Bi bị tan nát, trong sân rải rác hàng chục xác người. Anh Hai Còn (Trần Văn Đức) bị chém rời cánh tay bị liệng ra xa. Anh Ba Dần bị trói vào gốc cây, ngực lỗ chỗ vết đạn, áo loang đầy máu. (Năm Canh được hãng BIF thưởng cho một xe chở hàng, từ đó sống khỏe, nhà lại ở đầu cầu Gành cạch bót nên không sợ gì ta đụng chạm).

Cuối năm 1949 sang đầu năm 1950, nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn dậy lên cao trào đấu tranh sâu rộng chống thực dân Pháp xâm lược và chống quốc trưởng Bảo Đại bù nhìn cùng đế quốc Mỹ can thiệp. Cao trào này mở đầu bằng phong trào học sinh sinh viên.

Ngay từ những năm đầu kháng chiến, thành ủy Sài Gòn đã chú trọng công tác vận động trí thức và thanh niên học sinh sinh viên tham gia kháng chiến. Cán bộ ta tích cực tổ chức, phát triển Đoàn xây dựng nòng cốt bí mật để hoạt động công khai hợp pháp ở các trường công và tư: Pétrus Kí, Gia Long, Marie Curie, Chasseloup Laubat, Nguyễn Văn Khuê, Huỳnh Khương Ninh, mỹ thuật Gia Định, các khoa luật, dược, công chánh của đại học Sài Gòn ... Vào dịp kỉ niệm tháng Tám, Quốc Khánh, Nam Bộ kháng chiến năm 1949 ta đưa nhiều học sinh sinh viên ra bùng biền dự lễ. Pháp gài một số tay sai trà trộn vào. Khi anh em trở về đi học, phòng nhì Pháp có mật báo, đã bắt hơn một chục anh chị em học sinh, sinh viên.

Theo chỉ đạo chung, để thiết thực kỉ niệm khởi nghĩa Nam Kỳ, ngày 23-11-1949 hầu hết học sinh các trường công và tư bãi khóa đòi thả những bạn bị bắt. Giám đốc sở giáo huấn Nam phần Nguyễn Thành Giung ra lệnh đóng cửa các trường bãi khóa. Thành ủy Sài Gòn chỉ đạo lực lượng công nhân phối hợp đấu tranh làm hậu thuẫn cho phong trào học sinh sinh viên. Thợ thuyền các hãng SIT, BGI, SOGI, MIC, SILA, xích lô... hàng ngày kéo lên sở thanh tra lao động bù nhìn đòi can thiệp với chủ hãng giải quyết vấn đề đời sống cho lao động nghèo. Nhiều cha mẹ học trò, giáo sư và đại biểu học sinh các trường liên tiếp đến sở giáo huấn đòi thả số học

sinh bị bắt và mở cửa các trường trung học. Ngày 17-12-1949 trước sức ép liên tiếp ấy, bọn Pháp nhượng bộ ta bảy anh. Thành ủy và thành đoàn chỉ đạo đấu tranh tiếp tục đến thắng lợi. Một số đoàn viên TNCQ trường Pétrus Kí quê Bửu Hòa như Trần Văn Ôn (ở Mĩ Khánh), Lê Trung Nghĩa và Nguyễn Bình Đông (ở Tân Bản), Phạm Văn Đường (ở Bình Long) gặp gỡ nhau tại Chợ Đồn trong ngày nghỉ đã bàn bạc thực hiện chỉ thị của cấp trên.

Sáng 9-1-1950 hàng ngàn học sinh sinh viên các trường kéo đến trước sở giáo huấn Nam phần ở đường d'Espagne đòi trả tự do cho năm nam nữ học sinh còn bị giam giữ, bảo đảm an ninh cho học sinh, mở trường cho học sinh nội trú vô học lại. Các đường d'Espagne và Hai Bà Trưng dần dần đông nghẹt, tràn ngập áo trắng của nam nữ học sinh cùng một số giáo sư và cha mẹ các em. Trong khi đại biểu học sinh và Nguyễn Thành Giung trao đổi, một số xe vòi rồng đến bịt ngã tư d'Espagne – Hai Bà Trưng. Giám đốc sở giáo huấn nhận bản thỉnh cầu, không trả lời cụ thể điểm gì, còn nói thêm vấn đề thả người bị bắt thuộc thẩm quyền thủ hiến Nam phần Trần Văn Hữu. Nam nữ học sinh đi thành đội ngũ tề chỉnh, trương biểu ngữ đòi thả số học sinh bị bắt, đòi mở cửa trường học theo đường d'Espagne và Pellerin (Nguyễn Thị Minh Khai tiến đến dinh Gia Long. Một số xe vòi rồng chặn ở ngã tư Pellerin – Lagrandiere) (Nguyễn Thị Minh Khai tiến đến dinh Gia Long. Một số xe vòi rồng chặn ở ngã tư Pellerin – Lagrandiere) cản đường vào dinh Gia Long. Được lệnh đàn áp để giải tán đám đông, xe xịt nước rất mạnh vào học sinh. Anh chị em siết chặt đội ngũ quyết không lùi. Một số truyền tay nhau nhặt gạch xếp đồng đang sửa chữa tòa đô chánh, và cây gạch lát vỉa hè ném vào các xe vòi rồng. Mặt khác đại biểu học sinh tới thuyết phục số lính cứu hỏa. Sau một thời gian xô xát ngắn, các xe xịt nước vào gốc cây cho hết nước. Gần trưa, một số đại biểu học sinh và số lính cứu hỏa chụp chung tấm hình kỉ niệm rồi các xe rút đi. Làn sóng học sinh tràn ngập vườn hoa và khúc đường trước dinh Gia Long. Tại khảm lớn một đại đội lính Pháp chĩa súng máy vào đoàn biểu tình. Mới đầu số cảnh sát bắn chỉ thiên để giải tán sau chúng bắn xuống đất. Đạn văng làm vài học sinh bị thương, số này được đưa ngay vào sân dinh Gia Long để tổ cáo địch. Đồng bào thành phố kéo tới ngày càng đông, tiếp thêm sức mạnh cho học sinh. Thủ hiến Trần Văn Hữu ra tiếp đại biểu các trường. Anh chị em nêu đại ý: nước ta đã được Pháp công nhận độc lập, yêu cầu ông can thiệp thả nốt số bị bắt. Hữu trả lời: sẽ can thiệp với tướng Carpentier, nhưng cho biết

danh sách trước 13 giờ 30. Ban chỉ đạo không nắm được tên sổ này, chia nhau đi tìm gặp một dược sĩ biết. Đồng bào thành phố thương yêu con em mình, mang hàng xe bánh mì thịt, hoa quả, nước giải khát ủng hộ hàng chục ngàn học sinh sinh viên để có sức mà đấu tranh.

11 giờ rưỡi trưa, cảnh sát ra tối hậu thư: đến 13 giờ 30 phải giải tán hết, nếu không chúng sẽ dùng vũ lực. Ban chỉ đạo bí mật nhóm họp ngay, quyết định rút bớt lực lượng để tránh tổn thất, nhất là tránh mất bộ phận đầu não. Sau khi phát lệnh, học sinh nhỏ tuổi rút trước. Một số tên tay sai khiêu khích la ó chửi bới ban lãnh đạo là hèn nhát, đầu hàng (để tạo cơ cho địch đàn áp phong trào, nhưng khi địch sắp rat ay thì bọn này chui qua hàng rào cảnh sát chuồn êm).

13 giờ 15 cửa sổ lầu dinh Gia Long bật mở, phát tín hiệu. Hàng trăm cảnh sát cầm gậy, dùi cui ào ào bổ tới tấp lên đầu và mình năm, sáu trăm anh chị em còn ở vườn hoa trước dinh. Bị bất ngờ, anh chị em tay không chỉ đối phó lại bằng cách ném guốc dép và lui dần vào góc đường Taberd (nay là Nguyễn Du). Say máu, bọn cảnh sát bắn vào học sinh. Trần Văn Ôn<sup>2</sup> ngã xuống khi giúp một số bạn vượt tường thoát về phía đường Taberd. Vườn hoa và mặt đường la liệt hàng ngàn giày dép các loại, một góc vườn hoa ngổn ngang hàng trăm xe đạp của học trò bỏ lại. Cảnh sát chở số bị thương vào bệnh viện Sài Gòn và gần ba chục bị thương nặng cùng xác trò Ôn về nhà thương Chợ Rẫy.

Thành ủy và thành đoàn chỉ đạo đoàn viên và học sinh Pétrus Kí phải giữ bằng được thi hài Trần Văn Ôn, tổ chức lễ tang trọng thể để phát động căm thù. Ban tổ chức gồm một số đoàn viên đứng ra lo liệu mọi việc với một số giáo sư có cảm tình với kháng chiến. Học sinh thi nhau đến nhà xác gác thi hài Ôn, sợ địch lén thủ tiêu.

Đám tang Trần Văn Ôn trở thành cuộc biểu tình lớn nhất trong hai cuộc kháng chiến ở vùng địch chiếm, sánh ngang đám tang nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Thành Trinh năm 1926. Nhân dân phúng điếu tới hai triệu đồng. Ban tổ chức trích một phần giúp các em bị thương ngày 9-1, số còn lại gửi ra căn cứ cho kháng chiến. Học sinh sinh viên các trường từ nam tới bắc đều tổ chức lễ truy điệu Trần Văn Ôn, coi anh là tấm gương dũng cảm hi sinh để noi theo. Tại Biên Hòa, hàng chục học sinh nhỏ tuổi như anh em Đỗ Bá Nghiệp con ông Hườn bỏ nhà đi kháng

---

<sup>2</sup> - Trần Văn Ôn sinh ngày 30-4-1931, là con thứ mười (Út Oong) của ông Trần Văn Nghĩa (quê Mĩ Khánh) và bà Hùynh Thị Tươi (quê xã Phước Thạnh, Châu Thành, Bến Tre). Anh ra đời ở quê ngoại.

Đầu năm 1950 anh đang học lớp seconde (đệ nhị chuyên khoa) là đoàn viên TNCQ từ mấy năm trước.

chiến. Ngày 9-1-1950 trở thành ngày truyền thống đấu tranh của học sinh sinh viên, mở đầu cho ngày toàn quốc chống Mĩ 19-3-1950.

Một trong các thanh niên Bửu Hòa đi thoát li đầu năm 1946 là anh Nguyễn Văn Thùng. Anh vào vệ quốc đoàn Châu Thành sau đó chuyển qua đơn vị khác, tham gia nhiều trận đánh lớn nhỏ ở địa bàn Biên Hòa. Một lần trên đường công tác lẻ về địa phương, anh bị kẹt nhưng không tiện về nhà. Xóm anh đang bị giặc ruồng. Anh nhắn người quen báo cho cha anh. Ông nhanh trí dùng xe bò phủ đầy rơm giấu anh bên dưới, chở anh qua một số tua bót, tới nơi an toàn thì anh về cứ.

Là chiến sĩ nhanh nhẹn, gan dạ, anh được chọn vào đơn vị đặc công đầu năm 1950. Quê hương của kĩ thuật đặc công là tỉnh Biên Hòa. Đánh đặc công là sáng tạo trong kĩ thuật chiến đấu, ta dùng lực lượng nhỏ khéo léo bí mật đột nhập vị trí giặc, đặt mìn FT phá sập tua bót, tiêu diệt sinh lực của chúng. Đánh đặc công là lấy ít thắng nhiều, bất ngờ, đạt hiệu suất cao làm địch hoang mang lo lắng vô cùng.

Tháng 11-1950 đơn vị anh Thùng tham gia chiến dịch Lê Hồng Phong ở vùng Bến Cát (Thủ Dầu Một). Trong mấy đêm liền, tổ của anh phá sập bốn tua giặc. Đêm 22-11 anh cùng đồng đội đánh một bót. Anh vào đến góc chết sát lô cốt, đút mìn vào lỗ châu mai. Bọn lính bên trong phát hiện và đẩy ra. Anh đứng thẳng, ráng sức đẩy vào. Dằng co ngắn, để bảo đảm thắng lợi, anh giật nụ xòe. Lô cốt giặc sập, lũ lính bên trong bị diệt toàn bộ. Chiến sĩ Nguyễn Văn Thùng anh dũng hi sinh hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu.

Yêu cầu tiếp liệu cho kháng chiến ngày càng nhiều bộ phận quân khu bị đánh phá cần chỉnh đốn lại. Anh Chín Chút định dời đầu mối về Bửu Hòa, mang một camion hư của ban tiếp liệu về và dự định chuyển thêm một số xe của anh Bản – phần lớn đã hư – sửa lại thành dăm chiếc tốt để một mặt chở đá, cát, gạch... một mặt chở đồ tiếp liệu nặng. Kế hoạch đang tiến hành thì Tô Thận – phó ban tiếp liệu khu – bị bắt, khai ra anh Chín. Một trưa tháng 11 năm 1950 anh Chín đang cùng chị Ba Thành và nữ bác sĩ Trinh vừa ở khu về trao đổi công tác thì lính và cảnh sát ập vô. Anh Chín nhanh trí nói:

- Tôi định chở củi cho hai bà nhưng gặp trắc trở, xin hai bà huân cho ít bữa.

Ba người bị bắt về bót Catinat Sài Gòn. Địch không biết hai chị nên khi chúng hỏi, các chị trả lời:

- Chúng tôi đến thương lượng với ông Chín chở củ về bán...

- Một tuần lễ sau, hai chị được tha. Bắt được anh Chín Chút, bọn điều tra hí hửng sẽ được món tiền to (thư của khu gửi anh Tô Thận bảo sẽ chuyển 500 ngàn Đông Dương cho anh Chín mua thuốc và một số thứ khác). Bọn đồ tể đánh anh gãy cả xương sườn, hộc máu mồm, cốt làm anh Chín lòi tiền ra. Nhưng bị đòn mấy, anh cũng chỉ trả lời: chưa nhận được tiền bạc gì. Bệnh lao của anh tăng lên, cơ thể suy kiệt. Tên Tây lai điều tra đòi 20 ngàn thì nó tha. Anh Chín Chút muốn được ra, đã có 18 ngàn ở chỗ kĩ sư Điền, hai ngàn còn thiếu, anh gửi thư xin bà chị họ – bà Vạn Lộc – cho đủ. Số tiền này giao cho Hai Bộ, chủ garage là cơ sở của quân nhu khu. Anh ta “ém” luôn, mặt khác viết thư gửi cán bộ quân nhu khu “xin hai chục ngàn đút cho Tây để lo cho anh Chín ra”. Người liên lạc bị bắn chết trên đường dây, địch lục thấy cái thư. Chúng bắt thêm một số người nữa trong đó có anh Trần Lâm – trưởng ban tiếp liệu khu. Tên cò Tây lai không được sơ múi gì, cho giải anh Chín qua Phú Lâm. Trại này có một hầm ngầm ngăn làm ba, căn giữa nhốt mấy chục phụ nữ, hai căn bìa giam tù nam. Anh Chín Chút có hoa tay, đôi khi giúp các chị vẽ mẫu chim, hoa, lá... để thêu thùa. Viên bác sĩ người Hungari hàng tuần đến kiểm tra, khám bệnh cho tù, xem chị em thêu đan và trầm trồ thán phục sự khéo tay. Chị em tặng “ngoại giao” một số đồ thêu đẹp. Viên bác sĩ cảm ơn lắm. Qua một số lần trò chuyện, anh ta ngỏ ý muốn giúp thả mấy bà, mấy chị. Nhân dịp này, anh Chín vận động thêm. Các bà các chị trao đổi bàn bạc chọn một số trở về tiếp tục kháng chiến. Ba bà má và mười một chị được trả tự do. Ngày 29 tết (5-2-1951) anh Chín Chút được viên bác sĩ Hungari xác nhận mắc lao phổi cũng được thả về.

Tới giữa năm 1951 tỉnh Biên Hòa sáp nhập với Thủ Dầu Một thành tỉnh thủ Biên thì, trừ một số ít lên công tác cấp trên hoặc đi bộ đội, đội ngũ cán bộ du kích Bửu Hòa bị hao hụt còn chưa đầy ba chục. Địch đẩy mạnh bình định các xã ven thành bằng nhiều lực lượng như: lính Cao Đài, lính commando bót cây tràm của Parel, lính bót cầu Rạch Cát, lính máy cưa... để tạo vành đai an toàn cho hậu cứ của chúng. Căn cứ Hồ Cạn (Tân Phong) không còn. Căn cứ Bình Đa bị uy hiếp thường xuyên. Căn cứ An Phú xã bị càn nhiều lần. Giặc lần chiếm, đóng nhiều tua bót theo

tuyên đường đắp sâu vào căn cứ. Các cơ quan đơn vị đứng chân tại đây phải chuyển lên Khánh Vân hoặc chiến khu Đ. Khó khăn ngày càng to lớn, nhất là lương thực, thực phẩm. Vì vậy tỉnh và huyện có chủ trương giản chính. Các cán bộ bộ đội, du kích kém sức khỏe được cho về làm ăn sinh sống với gia đình trong vùng địch chiếm theo phương châm mai phục lâu dài, tích lũy lực lượng, xây dựng cơ sở, chờ thời cơ thuận lợi sẽ phối hợp ngoài đánh vào, trong đánh ra, thu thắng lợi cuối cùng. Do tình hình chiến trường lúc đó, Bửu Hòa và Hóa An nhập lại thành xã An Hòa (nhiều xã khác cũng nhập). Nhân sự tổ chức Đảng và chính quyền thay đổi. Bí thư chi bộ kiêm chủ tịch xã: Nguyễn Văn Kia, ủy viên thường vụ kiêm phó chủ tịch: Phan Ngọc An, trưởng công an: Trần Văn Chiêu, phó công an: Phạm Văn Thắng, xã đội trưởng: Nguyễn Văn Sanh, phó bí thư kiêm chánh trị viên xã đội: Nguyễn Văn Răng, chi hội trưởng phụ nữ: Nguyễn Thị Giai, các hội phó: Trần Thị Lệ và Nguyễn Thị Quế, nông hội: Nguyễn Văn Thiêm... Anh Tư Thiệt, nguyên xã đội trưởng Bửu Hòa được cử phụ trách mũi tiếp liệu cho tỉnh đội Thủ Biên, đứng chân ở Hóa An, mua: thuốc men, đồ dùng văn phòng, phim ảnh, lương thực...

Chị Bảy Đen (Đỗ Thị Bảy) rất nghèo, hàng ngày kiếm ăn bằng nghề cắt cỏ dưới bung bán cho chủ xe ngựa. Bung ngập nước quanh năm nên cỏ xanh tốt quanh năm. Cắt cỏ rất vất vả, suốt ngày bán lưng cho trời, nắng cháy da, chân ngâm sinh lầy nên chị Bảy đen đúa, nét cơ cực hằn trên mặt chị từ thuở chị còn là con gái. Vì vậy, dân xóm ghép thêm chữ “đen” và người ta gọi chị là Bảy đen. Một gánh cỏ nặng bán đủ sống từng tiệm vài bữa, vì vậy chị có điều kiện tham gia kháng chiến. Là cán bộ cơ sở Bình Long sống hợp pháp, thỉnh thoảng đi dân công gánh gạo, muối... và mang tiền thuế, tiền dân làng đóng góp lên nộp ở căn cứ An Phú xã. Nhà người chị gái ở sát bót Bình Long, anh rể đi lính Cao Đài, đó là thuận lợi cho chị làm công tác địch vận. Chị lân la làm quen số lính tốt như: Chè, Ba Ngà... để dò hỏi tin tức, tiến tới nói chuyện kháng chiến rồi xin đạn gửi ra căn cứ. Do tên Hai chỉ điểm lấy thưởng, chị bị bắt năm 1951. Nhờ anh rể bảo lãnh, chị được tha sau khi bị nhốt một đêm. Công tác âm thầm của chị kéo dài qua thời chống Mĩ sau này.

Chị Hai Lục (Phạm Thị Bàng) sống ở ngã ba máy cưa Tân Mai, làm công chánh. Được em ruột là anh Ba Phụng (Phạm Văn Định), công an Tân Uyên mót nổi giáo dục, chị làm quen một số lính tốt, vận động họ lén cho đạn, rồi chị giao cho anh Sáu Thân (quê Tân Ba), lúc thì ở